

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện giai đoạn 2019-2025 của Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030

Báo cáo kết quả thực hiện giai đoạn 2019-2025 của công tác thực hiện Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 -2030 (Chương trình) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2019 - 2025

1. Các mục tiêu của Chương trình

- Đạt mức tiết kiệm năng lượng 5,0 đến 7,0% tổng tiêu thụ năng lượng toàn quốc trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2025;
- Hoàn thiện cơ chế chính sách và quy định của pháp luật về tiết kiệm năng lượng, bao gồm: Nghiên cứu, bổ sung sửa đổi Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các văn bản dưới Luật; hoàn chỉnh, bổ sung quy định về định mức tiêu thụ năng lượng cho từ 10 đến 15 ngành/tiểu ngành thuộc một số lĩnh vực kinh tế trọng điểm tiêu thụ nhiều năng lượng; xây dựng và phổ biến từ 15 đến 20 hướng dẫn kỹ thuật cho các ngành, phân ngành kinh tế;
- Giảm mức tổn thất điện năng xuống thấp hơn 6,5%;
- Giảm mức tiêu hao năng lượng bình quân cho các ngành/phân ngành công nghiệp so với giai đoạn 2015 - 2018, cụ thể: (i) Đối với công nghiệp thép: từ 3,00 đến 10,00% tùy loại sản phẩm và công nghệ sản xuất; (ii) Đối với công nghiệp hóa chất: tối thiểu 7,00%; (iii) Đối với công nghiệp sản xuất nhựa: từ 18,00 đến 22,46%; (iv) Đối với công nghiệp xi măng: tối thiểu 7,50%; (v) Đối với công nghiệp dệt may: tối thiểu 5,00%; (vi) Đối với công nghiệp rượu, bia và nước giải khát: từ 3,00 đến 6,88% tùy vào loại sản phẩm, quy mô sản xuất; (vii) Đối với công nghiệp giấy: từ 8,00 đến 15,80% tùy từng loại sản phẩm và quy mô sản xuất;
- Đảm bảo 100% doanh nghiệp vận tải trọng điểm có chương trình phổ biến kỹ năng điều khiển phương tiện/giải pháp kỹ thuật trong khai thác, sử dụng phương tiện giao thông cơ giới theo hướng tiết kiệm năng lượng;
- Đạt 70% khu công nghiệp và 50% cụm công nghiệp được tiếp cận, áp dụng các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;
- Đảm bảo 100% cơ sở tiêu thụ năng lượng trọng điểm áp dụng hệ thống quản lý năng lượng theo quy định;
- Đảm bảo việc tuân thủ và thực hiện các yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả đối với các công trình xây dựng thuộc phạm vi áp dụng của Quy chuẩn;

- Đạt 80 công trình xây dựng được chứng nhận công trình xanh, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;
- Xây dựng và thực hiện chương trình chuyển đổi thị trường về hiệu suất năng lượng cho ít nhất 05 sản phẩm phổ biến trên thị trường;
- Đào tạo và cấp chứng chỉ cho 3.000 chuyên gia quản lý năng lượng/kiểm toán năng lượng;
- Đạt 60% trường học có hoạt động tuyên truyền, giảng dạy về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;
- Đạt 90% các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng và phê duyệt kế hoạch/chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại địa phương;
- Duy trì, phát triển hệ thống mạng lưới các đơn vị tiết kiệm năng lượng và sản xuất sạch hơn tại ít nhất 50 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; xây dựng và duy trì mạng lưới quản lý năng lượng quốc gia;
- Xây dựng 01 trung tâm dữ liệu năng lượng Việt Nam và ít nhất: (i) 02 trung tâm đào tạo quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; (ii) 01 mô hình đô thị sử dụng hiệu quả năng lượng; (iii) 05 mô hình trình diễn về vay vốn đầu tư cho dự án sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; 02 phòng thử nghiệm hiệu suất năng lượng;
- Thí điểm thành lập Quỹ Thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thông qua xã hội hóa, tài trợ và hợp tác của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

2. Các hoạt động chính của Chương trình

Chương trình Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030 (VNEEP3) được phê duyệt nhằm huy động nguồn lực trong và ngoài nước thể thực hiện các mục tiêu kép về kinh tế và môi trường, góp phần thực hiện phát triển bền vững và giảm nhẹ biến đổi khí hậu của Việt Nam trong giai đoạn đến năm 2030. Các nhiệm vụ chủ yếu thuộc Chương trình gồm: (1) Rà soát, xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (SDNL TKHQ); (2) Hỗ trợ kỹ thuật và tài chính nhằm thúc đẩy các dự án đầu tư, sản xuất, kinh doanh về SDNL TKHQ; (3) Xây dựng trung tâm dữ liệu năng lượng Việt Nam, các cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin về năng lượng và SDNL TKHQ; (4) Tăng cường năng lực về SDNL TKHQ; (5) Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện quy định của pháp luật về SDNL TKHQ; (6) Truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng về SDNL TKHQ; (7) Tăng cường hợp tác quốc tế; (8) Nghiên cứu khoa học; (9) Thành lập quỹ thúc đẩy SDNL TKHQ.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH

1. Về công tác tổ chức bộ máy và xây dựng và ban hành văn bản quản lý Chương trình

1.1 Công tác tổ chức thực hiện

Bộ Công Thương đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quyết định số 1664/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2019 Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (sau đây gọi là Ban Chỉ đạo Chương trình) do Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban; Bộ trưởng Bộ Công Thương làm Phó trưởng ban thường trực; đại diện một số Bộ ngành là thành viên. Hiện nay, sau quá trình kiện toàn và sát nhập, Ban Chỉ đạo về triển khai Chương trình nằm trong Ban Chỉ đạo Nhà nước các chương trình, công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành năng lượng theo Quyết định số 1447/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Công Thương là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Chương trình, có trách nhiệm giúp Ban Chỉ đạo tổ chức và giám sát thực hiện các nội dung của Chương trình đạt hiệu quả.

Bộ Công Thương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành lập kế hoạch hàng năm, lựa chọn, tổng hợp đề xuất các nhiệm vụ của các bộ, ngành liên quan, phối hợp với Bộ Tài chính xác định, thống nhất danh mục các nhiệm vụ, dự án thực hiện Chương trình.

Nhiệm vụ thường trực của Chương trình tại địa phương do các Sở Công Thương đảm nhiệm, có cán bộ đầu mối được phân công theo dõi thực hiện Chương trình tại địa phương.

1.2 Xây dựng và ban hành văn bản quản lý Chương trình

- Bộ Công Thương đã tổ chức thực hiện việc hướng dẫn địa phương xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Chương trình của địa phương; Đến cuối năm 2020, 100% các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn.

- Bộ Công Thương đã xây dựng, trình Ban Chỉ đạo Chương trình dự thảo Khung kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn đến năm 2025; trình Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình ban hành Quy chế số 12/QĐ-BCĐTKNL ngày 19 tháng 01 năm 2022 về xây dựng, tuyển chọn và tổ chức quản lý, thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

- Bộ Công Thương đã xây dựng và ban hành quy chế quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 -2030 của Bộ Công Thương tại Quyết định số 548/QĐ-BCT ngày 19 tháng 3 năm 2024.

- Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 145/QĐ-BCT ngày 08/02/2022 hướng dẫn kỹ thuật triển khai thực hiện các giải pháp thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030.

- Về các hoạt động tiết kiệm điện: 100% các tỉnh, thành phố xây dựng và ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 20 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn các tỉnh, thành phố hoặc ban hành Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về tăng cường thực hiện tiết kiệm điện trên địa

bàn tỉnh, thành phố giai đoạn 2021-2025. Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã giao Sở Công Thương làm đầu mối triển khai thực hiện Chỉ thị số 20 trên địa bàn.

2. Về việc thực hiện các nội dung của Chương trình

2.1 Nhóm nhiệm vụ Rà soát, xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành để xây dựng, trình ban hành, ban hành một hệ thống các văn bản pháp luật liên quan bao gồm: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 77/2025/QH15 ban hành ngày 18/6/2025 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2026; các Nghị định, Thông tư, Quyết định, tiêu chuẩn, quy chuẩn về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, cụ thể như sau:

(i) 02 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết biện pháp thi hành và chế tài xử phạt;

(ii) 02 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm soát hiệu suất năng lượng cho các phương tiện, thiết bị tiêu thụ năng lượng;

(iii) 07 Thông tư quy định suất mức tiêu hao năng lượng và các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả trong các ngành công nghiệp;

(iv) Các thông tư về quy định đào tạo cấp chứng chỉ; kiểm toán năng lượng; dán nhãn năng lượng; tỉ lệ hao hụt xăng dầu; tỉ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học, các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả trong các ngành công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, nông nghiệp...

(v) Hơn 50 bộ Tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng tối thiểu áp dụng cho các nhóm thiết bị mục tiêu, kèm theo phương pháp thử nghiệm;

(vi) Các văn bản hướng dẫn tác nghiệp cho việc thực thi các quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã được ban hành, cụ thể:

- Các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, 12 Quyết định về việc chỉ định 12 cơ sở thử nghiệm hiệu suất năng lượng và 16 văn bản hướng dẫn tác nghiệp đã được ban hành.

- Các bộ, ngành đã phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương xây dựng và trình Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn 2045 theo đó, tỷ lệ tiết kiệm năng lượng trên tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng so với kịch bản phát triển bình thường đạt khoảng 8-10% vào năm 2030.

- Bộ Công Thương đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm hàng năm.

- Ngày 15/05/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 500/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện 8). Tại Quy hoạch này đã khẳng định giải pháp về sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả là một trong các giải pháp, nguồn lực để thực hiện thành công Quy hoạch này.

- Ngày 26/07/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 893/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quyết định nhấn mạnh vai trò của việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, với mục tiêu tiết kiệm năng lượng đạt khoảng 8-10% vào năm 2030 và khoảng 15-20% vào năm 2050 so với kịch bản thông thường.

(Chi tiết trong Phụ lục 1 kèm theo Báo cáo)

2.2 Hỗ trợ kỹ thuật và tài chính nhằm thúc đẩy các dự án đầu tư, sản xuất, kinh doanh về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với các hoạt động: sản xuất, chế tạo, cải tạo, chuyển đổi thị trường phương tiện, trang thiết bị, máy móc, dây chuyền sản xuất, chiếu sáng công cộng, tiết kiệm năng lượng trong hộ gia đình

Thực hiện nội dung này, Bộ Công Thương đã tổ chức triển khai khối lượng lớn các công việc và đạt nhiều kết quả như sau:

- Hỗ trợ 1.200 doanh nghiệp thực hiện kiểm toán năng lượng, xây dựng mô hình quản lý năng lượng và thực hiện các giải pháp về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

- Chương trình dán nhãn năng lượng:

Triển khai Chương trình dán nhãn năng lượng và áp dụng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu cho các phương tiện, thiết bị: Bộ Công Thương đã triển khai dán nhãn năng lượng cho gần 30 chủng loại sản phẩm theo Danh mục quy định tại Quyết định số 04/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thuộc nhóm thiết bị gia dụng, thiết bị văn phòng, thiết bị công nghiệp. Đã có trên 20.000 sản phẩm được dán nhãn năng lượng trên thị trường.

- Triển khai dán nhãn năng lượng bắt buộc từ năm 2013, Chương trình đã tạo ra sự chuyển đổi mạnh mẽ về hiệu suất năng lượng trên thị trường. Theo thống kê của Bộ Công Thương, sau gần 07 năm thực hiện Chương trình dán nhãn, gần 95% sản phẩm, phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng trong nhóm ngành hàng gia dụng, thương mại, công nghiệp đã được dán nhãn.

- Chương trình giúp loại bỏ khoảng 45 triệu bóng đèn sợi đốt ra khỏi thị trường, nâng hiệu suất 06 loại sản phẩm tiêu thụ điện phổ biến gồm: máy biến áp, điều hòa không khí, nồi cơm điện, quạt, đèn huỳnh quang ống, đèn huỳnh quang compact (CFL); trong đó hiệu quả sử dụng điều hòa không khí tăng 13% hàng năm, tiết kiệm khoảng 100 triệu kWh/năm.

- Theo nghiên cứu của tổ chức CLASP Mỹ việc Nâng hiệu suất máy điều hòa CSPF từ 3,8 lên 4,2 tại tiêu chuẩn TCVN 7830:2012 lên TCVN 7830:2015

cùng với sự phát triển của Máy điều hòa biến tần tích lũy từ 2016-2021, với giả thiết là máy lắp cho căn hộ có hệ số làm việc đồng thời 0.35 thì công suất tiết kiệm được là 270MW cho năm 2021, công suất này xấp xỉ 1 nhà máy nhiệt điện 300MW.

Tới nay đã có 12 phòng thử nghiệm được phép thử nghiệm hiệu suất năng lượng cho các phương tiện thiết bị trên toàn quốc. Nhu cầu thử nghiệm của các Doanh nghiệp đã được đáp ứng, trong đó đối với sản phẩm điều hòa không khí và tủ lạnh đã có 02 phòng thử nghiệm tại Miền Bắc và Miền Nam, 03 phòng thử nghiệm nồi hơi, 02 phòng thử nghiệm Động cơ điện.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách quy định pháp luật đối với mô hình kinh doanh dịch vụ tiết kiệm năng lượng (ESCO) .

- Xây dựng hệ thống đánh giá năng lực, công nhận và công bố các Công ty tư vấn, dịch vụ năng lượng.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu nền và hệ thống giám sát đánh giá việc thực hiện các mục tiêu của Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

- Chuẩn hóa Mô hình quản lý năng lượng và kiểm toán năng lượng phù hợp với Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật triển khai giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với ngành công nghiệp tiêu thụ nhiều năng lượng.

- Xây dựng mô hình điểm về tiết kiệm năng lượng trong chiếu sáng bằng đèn LED phục vụ sản xuất trong nông nghiệp.

2.3 Xây dựng trung tâm dữ liệu năng lượng Việt Nam, các cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin về năng lượng và sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

- Xây dựng danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm hàng năm trong giai đoạn 2019-2025 và Tập huấn, hướng dẫn sử dụng hệ thống báo cáo năng lượng trọng điểm Quốc gia dataenergy.vn;

- Bộ Công Thương đã hoàn thành việc xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu cho hơn 3.500 doanh nghiệp tiêu thụ năng lượng trọng điểm (trên 1.000 TOE đối với doanh nghiệp công nghiệp và trên 500 TOE đối với văn phòng, tòa nhà).

- Báo cáo Thống kê năng lượng hàng năm trong giai đoạn 2019-2025;

2.4 Tăng cường năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Thực hiện nhiệm vụ này, Bộ Công Thương đã tập trung vào các hoạt động chủ yếu sau:

- Tổ chức đào tạo, phát triển nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: đào tạo Kiểm toán viên năng lượng; Người quản lý năng lượng; Cụ thể:

Theo quy định đến năm 2025, việc tổ chức đào tạo và cấp chứng chỉ QLNL và kiểm toán viên năng lượng được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền (Bộ Công Thương) cho các đối tượng có đủ điều kiện tham gia.

Từ năm 2020 đến 2025, Bộ Công Thương đã hỗ trợ các đơn vị đào tạo Kiểm toán viên năng lượng và Quản lý năng lượng, cụ thể như sau:

- Năm 2020: tổ chức được 17 khóa đào tạo Quản lý năng lượng, cấp chứng chỉ được 441 chứng chỉ; 06 khóa đào tạo về Kiểm toán viên năng lượng, đã cấp chứng chỉ cho 137 học viên tham gia khóa đào tạo.

- Năm 2021: tổ chức được 15 khóa đào tạo Quản lý năng lượng và cấp chứng chỉ được 391 chứng chỉ; 04 khóa đào tạo về Kiểm toán viên năng lượng, đã cấp chứng chỉ cho 71 học viên tham gia khóa đào tạo.

- Năm 2022: tổ chức được 18 khóa đào tạo Quản lý năng lượng và cấp chứng chỉ được 543 chứng chỉ; 03 khóa đào tạo về Kiểm toán viên năng lượng, đã cấp chứng chỉ cho 45 học viên tham gia khóa đào tạo.

- Năm 2023: tổ chức được 35 khóa đào tạo Quản lý năng lượng và cấp chứng chỉ được 847 chứng chỉ; 05 khóa đào tạo về Kiểm toán viên năng lượng, đã cấp chứng chỉ cho 96 học viên tham gia khóa đào tạo.

- Năm 2024-2025: tiếp tục tổ chức các khóa đào tạo Quản lý năng lượng và Kiểm toán viên năng lượng.

Trong giai đoạn 2020-2025, tổng cộng đã có 150 khóa đào tạo được tổ chức và 3220 chứng chỉ được cấp cho các Kiểm toán viên năng lượng và Người quản lý năng lượng.

- Xây dựng giáo trình Kiểm toán năng lượng và người quản lý năng lượng;

- Xây dựng tài liệu và tổ chức đào tạo nâng cao cho các chuyên gia, giảng viên về Kiểm toán năng lượng cho kiểm toán viên năng lượng đã có chứng chỉ;

- Đào tạo, tăng cường năng lực cho cán bộ, các cơ quan đầu mối về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả từ trung ương đến địa phương trong việc tổ chức quản lý thực hiện các quy định của Nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; đào tạo, tập huấn các nội dung chuyên môn, kỹ thuật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

- Tổ chức đào tạo, tăng cường năng lực đối với các viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo, các đơn vị tư vấn hoạt động trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng, các công ty dịch vụ năng lượng (ESCO);

- Cập nhật, biên soạn mới tài liệu đào tạo, tài liệu kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn, phục vụ các hoạt động nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các đối tượng khác nhau.

- Đẩy mạnh hoạt động của Mạng lưới Tiết kiệm điện Việt Nam (VESN) và nâng cao năng lực tư vấn cho các đơn vị điện lực và đơn vị quản lý nhà nước tại địa phương (Sở Công Thương) cùng triển khai đào tạo, tập huấn về tiết kiệm điện cho các khách hàng sử dụng điện và các đối tượng có liên quan khác. Nâng cao

năng lực tư vấn cho các đơn vị điện lực về triển khai tiết kiệm điện; Nâng cao năng lực quản lý sử dụng năng lượng hiệu quả trong lĩnh vực Nhiệt điện của Việt Nam;

- Xây dựng tài liệu và tổ chức tập huấn về duy trì và cải tiến hệ thống quản lý năng lượng tại doanh nghiệp theo tiêu chuẩn phiên bản ISO 50001:2018 cho đối tượng là chuyên gia đánh giá trường nội bộ;

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn về mô hình quản lý năng lượng áp dụng cho các doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

- Tổ chức các hội thảo, hội nghị hướng dẫn, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

- Hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, lập kế hoạch và thực hiện việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giữa các đơn vị;

- Đối với các tổ chức tín dụng: Tổ chức đào tạo nâng cao năng lực thẩm định các dự án cho vay trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Đối với các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức xã hội, các hội nghề nghiệp: Đào tạo, phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm và giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

2.5 Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện quy định của pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Kế hoạch thanh kiểm tra về thực hiện các quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được Bộ Công Thương phê duyệt hàng năm và triển khai theo quy định của pháp luật.

Hàng năm, Bộ Công Thương đã thực hiện thanh kiểm tra về tuân thủ các quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo Quyết định được phê duyệt của Bộ trưởng và quy định của pháp luật tới các đơn vị gồm các Sở Công Thương, các phòng thử nghiệm hiệu suất năng lượng và các doanh nghiệp cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm và doanh nghiệp công bố dán nhãn năng lượng. Nhìn chung các cơ quan, doanh nghiệp đều đã có tuân thủ tốt các quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Nhìn chung các cơ quan, doanh nghiệp đều đã có tuân thủ tốt các quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, cụ thể:

- Các Sở Công Thương địa phương: Đã thực hiện các nhiệm vụ và công tác quản lý nhà nước theo quy định của Luật Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả, các văn bản dưới Luật và Chỉ thị số 20/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Đã tham mưu cho UBND tỉnh, thành phố ban hành các chỉ thị, kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Chỉ thị số 20/CT-TTg tại địa phương và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

- Các doanh nghiệp tiêu thụ năng lượng trọng điểm và doanh nghiệp áp

dụng định mức tiêu hao năng lượng: Cơ bản đã thực hiện trách nhiệm của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm được quy định trong Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, các văn bản dưới Luật và Chỉ thị số 20/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện (Xây dựng mô hình quản lý năng lượng, tiến hành kiểm toán năng lượng, áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng trong doanh nghiệp và thực hiện chế độ báo cáo định mức tiêu hao năng lượng theo quy định).

- Đơn vị thử nghiệm hiệu suất năng lượng: Đã tuân thủ các quy định của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, cụ thể là đảm bảo các điều kiện kỹ thuật, trang thiết bị thử nghiệm kiểm tra hiệu suất năng lượng, đảm bảo chất lượng dịch vụ thử nghiệm.

- Doanh nghiệp kinh doanh phân phối sản phẩm dán nhãn năng lượng: Cơ bản các doanh nghiệp đã thực hiện việc tuân thủ công bố dán nhãn năng lượng lên sản phẩm thiết bị trước khi đưa ra thị trường, một số doanh nghiệp gửi báo cáo hàng năm về Sở Công Thương và Bộ Công Thương còn chưa đúng theo quy định về mẫu mã và thời gian. Đoàn kiểm tra đã ghi nhận và nhắc nhở doanh nghiệp rút kinh nghiệm và gửi báo cáo khắc phục.

2.6 Truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được Bộ Công Thương tổ chức thường xuyên, liên tục trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Các nội dung tuyên truyền đều chủ đích nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng, hiệu quả kinh tế, kinh nghiệm tốt, gương điển hình về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho từng nhóm đối tượng người dân, hướng tới tạo chuyển biến trong nhận thức, tiến tới thay đổi hành vi sử dụng năng lượng theo hướng có trách nhiệm, tiết kiệm và hiệu quả.

Có thể kể đến một số hoạt động tiêu biểu sau:

- Thông tin, tuyên truyền về việc sử dụng tiết kiệm năng lượng và hiệu quả bằng phương tiện truyền hình, Trang thông tin điện tử, báo giấy: các kênh của Đài truyền hình Việt Nam; đài tiếng nói Việt NamVOV1; Tạp chí công thương, Báo công thương; Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương (moit.gov.vn); trang thông tin điện tử <http://tietkiemnangluong.com.vn>.

- Tổ chức "Giải thưởng báo chí tuyên truyền về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả".

- Tổ chức cuộc thi “Giải thưởng hiệu quả năng lượng trong công nghiệp”; “Giải thưởng hiệu quả năng lượng trong xây dựng”; “Giải thưởng Sản phẩm hiệu suất năng lượng cao nhất” và vinh danh các cá nhân tại các cơ sở dự thi có thành tích xuất sắc trong công tác TKNL.

- Tổ chức hội nghị tiết kiệm năng lượng toàn quốc và trưng bày các gian hàng có sản phẩm hoặc thiết bị hỗ trợ giải pháp tiết kiệm năng lượng hàng năm;

- Tổ chức cuộc thi tìm hiểu kiến thức sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên nền tảng thông tin điện tử.

- Tổ chức Chuỗi hoạt động của sự kiện Giờ trái đất: Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã phối hợp cùng các cơ quan truyền thông vận động và nhận được sự hưởng ứng của hàng triệu người dân, đặc biệt là sự hưởng ứng đồng loạt của sinh viên, học sinh và những người trẻ khác vào chuỗi các hoạt động của sự kiện Giờ trái đất.

- Tổ chức các diễn đàn chuyên gia, phổ biến chính sách trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Phối hợp các đài phát thanh, truyền hình, các đơn vị báo chí từ trung ương đến địa phương phát hành các tin, bài, clip, phóng sự tọa đàm... tuyên truyền về chính sách cũng như phổ biến các giải pháp về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, tiết kiệm điện, các mô hình điển hình trong việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Tổ chức gian hàng giới thiệu, tuyên truyền Chương trình Quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, các sản phẩm, công nghệ tiết kiệm năng lượng tại các Hội chợ triển lãm;

- Tổ chức cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả” thu hút 218.382 lượt người tham gia trong thời gian 5 tuần.

2.7 Tăng cường quan hệ, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Bộ Công Thương đã tổ chức xây dựng và thực hiện có hiệu quả hợp tác quốc tế về lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, trong đó có một số Chương trình, dự án quy mô lớn do Bộ Công Thương chủ trì như: Chương trình Chuyển đổi năng lượng bền vững Việt Nam-EU với tổng kinh phí tài trợ không hoàn lại 142 triệu Euro trong đó khoản hòa ngân sách 121 triệu Euro và dự án Hỗ trợ chính sách 8,5 triệu Euro; Dự án Thúc đẩy Tiết kiệm năng lượng trong các ngành công nghiệp Việt Nam với tổng kinh phí 11,3 triệu USD; Dự án Tiết kiệm năng lượng cho ngành Công nghiệp Việt Nam với tổng kinh phí 101,7 triệu USD trong đó 100 triệu USD vốn vay IBRD cho vay đầu tư các dự án TKNL và 1,7 triệu vốn vay IDA cho hỗ trợ kỹ thuật.

Bộ Công Thương đã tích cực làm việc với các tổ chức quốc tế kêu gọi sự tài trợ để giúp một số địa phương xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình và Chỉ thị về Tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn. Hiện đã có Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Chính phủ Đan Mạch tài trợ cho hoạt động xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2020-2025 của 15 địa phương và tất cả 15 địa phương này đều đã ban hành và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

Một số dự án được triển khai trong giai đoạn 2019-2025:

a) Dự án Thúc đẩy TKNL trong các ngành Công nghiệp Việt Nam

- Tên nhà tài trợ: Quỹ Khí hậu xanh thông qua Ngân hàng Thế giới.
- Thời gian thực hiện dự án: từ năm 2022 đến tháng 01/2026.
- Một số hoạt động chính:

+ Hợp phần 1: Vận hành Quỹ Chia sẻ rủi ro (RSF): Quỹ này sẽ cung cấp bảo lãnh một phần rủi ro tín dụng cho các tổ chức tài chính (các Ngân hàng thương mại) tham gia dự án (PFI) để bảo lãnh các khoản vay dành cho các doanh nghiệp công nghiệp (IE) đầu tư dự án về tiết kiệm năng lượng.

+ Hợp phần 2: Hỗ trợ kỹ thuật: các hoạt động chính gồm (i) nghiên cứu, xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật thúc đẩy việc áp dụng các giải pháp quản lý năng lượng cho các ngành công nghiệp Việt Nam; (ii) nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật thuộc các Bộ ngành, địa phương, các khu công nghiệp, các cơ sở tiêu thụ năng lượng trọng điểm; (iii) tăng cường năng lực cho các ngân hàng để nâng cao kiến thức, kinh nghiệm và trình độ chuyên môn trong việc xác định, thẩm định và triển khai các dự án cho vay hiệu quả năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp; (iv) tăng cường năng lực các doanh nghiệp và các nhà cung cấp dịch vụ TKNL để nhận diện các dự án tiết kiệm năng lượng và chuẩn bị dự án để phát triển các dự án có thể được ngân hàng tài trợ.

b) Chương trình Hợp tác Đối tác Năng lượng Việt Nam – Đan Mạch giai đoạn 2020 – 2025 (Chương trình DEPP3)

- Tên nhà tài trợ: Đan Mạch
- Thời gian thực hiện dự án: từ năm 2021 đến tháng 04/2026.
- Một số hoạt động chính: Nghiên cứu khảo sát tình hình sử dụng năng lượng và tiềm năng tiết kiệm năng lượng trong các doanh nghiệp ngành chế biến gỗ để xem xét khả năng xây dựng quy định về định mức tiêu hao năng lượng trong ngành chế biến gỗ; Triển khai thí điểm Chương trình Thỏa thuận tự nguyện VAS tại các doanh nghiệp tại Việt Nam; Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn triển khai Chương trình VAS.

c) Thúc đẩy thị trường đầu tư TK&HQ năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp và hỗ trợ thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh Việt Nam

- Tên nhà tài trợ: Chính phủ Hàn Quốc thông qua Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc (Korea International Cooperation Agency – KOICA).
- Thời gian bắt đầu dự án: tháng 1/2022- tháng 12/2025.
- Một số hoạt động chính: hỗ trợ kiểm toán năng lượng cho các doanh nghiệp tiêu thụ năng lượng trọng điểm, thực hiện cập nhật và nâng cấp giáo trình Quản lý năng lượng và Kiểm toán năng lượng và một số hoạt động truyền thông.

d) Chương trình Chuyển đổi năng lượng bền vững Việt Nam – EU:

- Dự án PAR3E:

Thời gian thực hiện: từ tháng 2023 đến 2025

Một số hoạt động chính: hỗ trợ các hoạt động truyền thông về TKNL.

- Dự án IEEP (Dự án “Đẩy mạnh hoạt động tiết kiệm năng lượng trong các doanh nghiệp công nghiệp lớn thông qua hệ thống quản lý năng lượng và tối ưu hoá hệ thống và thực hành tiết kiệm năng lượng trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam”).

Thời gian thực hiện: từ tháng 01/2023 đến tháng 12/2027

Một số hoạt động chính: Dự án hướng tới thúc đẩy và kích thích sự gia tăng nhu cầu thị trường và ứng dụng giải pháp tiết kiệm năng lượng trong công nghiệp thông qua việc áp dụng các tiêu chuẩn quản lý năng lượng kết hợp với tối ưu hóa các hệ thống năng lượng, nhờ đó đạt được kết quả tiết kiệm năng lượng tốt hơn, giảm phát thải khí nhà kính, giảm các-bon và nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh của các ngành công nghiệp Việt Nam.

- Dự án AIS4EE (Thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực hiệu quả năng lượng)

Nhà tài trợ: Liên minh Châu Âu và Viện Tăng trưởng xanh toàn cầu

Thời gian thực hiện: từ tháng 10/2022 đến tháng 9/2025

Một số hoạt động chính: tổ chức Chương trình tăng tốc khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực hiệu quả năng lượng, rà soát chính sách thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

e) Chương trình năng lượng phát thải thấp II (VLEEP II).

- Nhà tài trợ: Cơ quan Hợp tác phát triển Hoa Kỳ (USAID).

- Thời gian thực hiện: giai đoạn 2021-2025.

- Một số hoạt động chính: Xây dựng Chiến lược truyền thông năng lượng bền vững của Việt Nam; Khảo sát, đánh giá và đề xuất các giải pháp TKNL trong các Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế. Khảo sát, đánh giá về hệ sinh thái về xe điện ở Việt Nam; Hỗ trợ xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách và biện pháp kiểm soát, giảm phát thải KNK trong lĩnh vực năng lượng và công nghiệp theo cam kết NDC và Thỏa thuận Paris.

Các hoạt động hợp tác quốc tế khác:

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường chuẩn bị nội dung đàm phán cho đoàn công tác của Việt Nam cho các phiên họp của COP.

- Phối hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường chuẩn bị xây dựng và thực hiện chương trình đối tác Xây dựng thị trường carbon ở Việt Nam (PMI) do WB tài trợ.

- Tham dự các cuộc họp thường niên trong khuôn khổ ASEAN, APEC và các cuộc họp Nhóm công tác chuyên ngành thường niên và đột xuất như Hợp

mạng lưới Hiệu quả năng lượng và bảo tồn năng lượng ASEAN, Cuộc họp nhóm chuyên gia về hiệu quả và bảo tồn năng lượng APEC.

- Tham dự các Hội nghị, Hội thảo trong nước do các đối tác phát triển, tổ chức quốc tế tổ chức tại Việt Nam liên quan đến tiết kiệm năng lượng, biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh gồm: Tham dự các phiên họp của Trung tâm năng lượng ASEAN, ADB, Nhật Bản, Tuần lễ khí hậu Hội nghị các quốc gia khu vực Châu Á- Thái Bình Dương về các chủ đề liên quan đến cơ chế định giá carbon, chuyển dịch năng lượng, cơ chế thực hiện Điều 6 Thỏa thuận Paris, diễn đàn về Thu hồi, lưu giữ và sử dụng carbon (CCUS).

2.8 Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Bộ Công Thương đang tổ chức thực hiện nhiệm vụ “Xây dựng chương trình khoa học công nghệ trọng điểm về SDNL TK&HQ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của ngành Công Thương” nhằm Định hướng các nhiệm vụ nghiên cứu KHCN trọng điểm trong lĩnh vực SDNL TK&HQ. Mục tiêu cốt lõi là giảm tiêu hao năng lượng trong sản xuất, công nghiệp và dân dụng, ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo và thay thế thiết bị lạc hậu. Nhiệm vụ này sẽ được hoàn thành trong năm 2026.

Trong giai đoạn 2019-2025, một số nhiệm vụ nghiên cứu, áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng đã được triển khai như:

- Nghiên cứu, triển khai thực hiện các giải pháp thu hồi nhiệt nhằm tiết kiệm năng lượng nhiên liệu đốt lò nung gốm sứ theo phương thức không liên tục.
- Nghiên cứu tối ưu hóa chế độ vận hành và triển khai ứng dụng hệ thống chiếu sáng đô thị theo hướng thông minh, tiết kiệm điện năng và bảo vệ môi trường.
- Triển khai ứng dụng giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong khai thác, chế biến quặng đồng.
- Nghiên cứu, ứng dụng giải pháp Hệ thống điều khiển cụm máy nén khí thông minh nhằm tiết kiệm năng lượng cho các nhà máy công nghiệp tại Việt Nam
- Nghiên cứu, ứng dụng mô hình cải tiến kỹ thuật nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, tiết kiệm điện trong nuôi tôm công nghiệp trên địa bàn các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

2.9 Thành lập Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Bộ Công Thương đã tiến hành nghiên cứu, đề xuất việc thành lập Quỹ trong quá trình xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và được Quốc hội thông qua từ ngày 18 tháng 5 năm 2025.

Theo Quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục đích

lợi nhuận. Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được hoạt động huy động vốn, cho vay, đầu tư, ủy thác và nhận ủy thác để thực hiện chức năng thúc đẩy hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn cả nước.

Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả có mục tiêu hỗ trợ, tài trợ cho dự án, nhiệm vụ, hoạt động thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả với cơ chế linh hoạt theo yêu cầu của nhà tài trợ và quy định của pháp luật hiện hành.

Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo hướng xã hội hoá, bảo đảm độc lập về tài chính, không trùng lặp với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước và hạn chế việc làm tăng chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Chính phủ quy định nguồn vốn của Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Bộ Công Thương đang tiếp tục tổ chức thực hiện việc nghiên cứu, phân tích đánh giá và lựa chọn mô hình vận hành đối với Quỹ thúc đẩy Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và chuẩn bị thủ tục thành lập Quỹ theo quy định của pháp luật.

3. Về việc Triển khai chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường tiết kiệm điện năm 2020 -2025

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 20/CT-TTg về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020-2025 (Chỉ thị số 20). Chỉ thị đặt ra mục tiêu trong giai đoạn 2020 - 2025, cả nước phải phấn đấu hàng năm tiết kiệm tối thiểu 2,0% tổng điện năng tiêu thụ. Để đạt được mục tiêu này, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các doanh nghiệp và các tổ chức, đoàn thể - xã hội đẩy mạnh thực hiện tiết kiệm điện với các lĩnh vực sử dụng điện, bao gồm các chỉ tiêu cụ thể cho mỗi nhóm đối tượng. 5 nhóm giải pháp bao gồm: (i) Tiết kiệm điện tại cơ quan, công sở; (ii) Tiết kiệm điện trong chiếu sáng công cộng, chiếu sáng cho mục đích quảng cáo, trang trí ngoài trời; (iii) Tiết kiệm điện tại các hộ gia đình; (iv) Tiết kiệm điện tại các cơ sở kinh doanh thương mại và dịch vụ; và (v) Tiết kiệm điện tại doanh nghiệp sản xuất.

Thực hiện chỉ thị 20/CT-TTg, Bộ Công Thương đã hỗ trợ các tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030, trong đó có lồng ghép các giải pháp sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả để triển khai trên địa bàn các tỉnh, thành phố. Kinh nghiệm xây dựng Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 20 của các tỉnh, thành phố được hỗ trợ cũng đã được chia sẻ, phổ biến cho các tỉnh, thành phố trên toàn quốc thông qua các buổi hội thảo kỹ thuật để các địa phương chủ động xây dựng chương trình hành động của địa phương mình. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã có cơ quan đầu mối triển khai thực hiện Chỉ thị số 20

tại địa phương (UBND các tỉnh, thành phố giao Sở Công Thương làm đầu mối triển khai).

Theo kết quả tính toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam: Trong các năm từ 2020 đến 2025, cả nước đã hoàn thành mức tiết kiệm điện mà Thủ tướng Chính phủ giao thực hiện tại Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2020 về tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2021-2025.

4. Về huy động, thực hiện các nguồn vốn cho Chương trình

Hàng năm, Bộ Công Thương đã tiến hành triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình từ nguồn ngân sách sự nghiệp kinh tế, chi thường xuyên.

Bên cạnh đó, Chương trình còn huy động được các nguồn vốn từ các dự án hợp tác quốc tế hỗ trợ cho các hoạt động kỹ thuật cũng như tài chính trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Trong đó tổng cộng khoảng **81.5 triệu USD** được huy động để triển khai cho các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ cho các dự án đầu tư về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

2.3. Kết quả thực hiện Chương trình tại các Tập đoàn

2.3.1 Tập đoàn Điện lực Việt Nam

a) Kết quả thực hiện chương trình tiết kiệm điện

Giai đoạn 2019-2025 ghi nhận nỗ lực và vai trò của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị trong thực hiện tiết kiệm điện gắn với bảo đảm cung ứng điện an toàn, ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội.

Tổng sản lượng điện thương phẩm toàn quốc giai đoạn 2019 - 2025 (bao gồm sản lượng EVN bán điện trực tiếp và điện xuất khẩu) ước đạt khoảng 1.711 tỷ kWh. Thông qua các chương trình sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả do EVN và các Tổng công ty triển khai, tổng sản lượng điện tiết kiệm được trong giai đoạn này đạt khoảng 31.325 triệu kWh. Tỷ lệ tiết kiệm điện hằng năm của các đơn vị phân phối đều đạt trên 2%, đáp ứng yêu cầu theo Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07/5/2020 và Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 08/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường tiết kiệm điện cho giai đoạn 2020 đến 2025 và các năm tiếp theo. Ước thực hiện năm 2025, tổng sản lượng điện tiết kiệm đạt 6.460 triệu kWh, tương đương với khoảng 2,25% tổng sản lượng điện thương phẩm (ước thực hiện đạt 286.979 triệu kWh). Đồng thời, các chương trình quản lý nhu cầu phụ tải (DSM) cùng các giải pháp kỹ thuật và điều hành liên quan đã góp phần tiết giảm công suất đỉnh ước khoảng 12.092 MW trong giai đoạn 2019-2025.

EVN và các đơn vị thành viên đã tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp thực hành tiết kiệm điện, bao gồm tiết kiệm điện trong nội bộ đơn vị; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động và hỗ trợ khách hàng sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả; trong đó có triển khai chương trình điều chỉnh phụ tải nhằm góp phần điều chỉnh, giảm nhu cầu sử dụng điện trong các khung giờ cao điểm. Khối phân phối (các Tổng công ty Điện lực và các đơn vị Điện lực) giữ vai trò chính trong công tác tổ chức thực hiện, trực tiếp tuyên truyền và đưa các giải pháp tiết kiệm điện vào thực tiễn đời sống xã hội. Kết quả triển khai cho thấy, hoạt động tiết kiệm

điện từng bước đi vào nề nếp, trở thành một nội dung quan trọng trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của các đơn vị, đồng thời góp phần nâng cao ý thức sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong toàn EVN và đối với khách hàng sử dụng điện.

b) Kết quả thực hiện mục tiêu giảm tổn thất điện năng

Điện năng dùng cho truyền tải và phân phối của EVN thực hiện giảm đều qua các năm tương ứng với quy mô nguồn, lưới điện ngày càng được nâng cấp, đầu tư mở rộng, đáp ứng mức tăng trưởng cao của phụ tải, với chất lượng điện năng, độ an toàn, tin cậy ngày càng cao. Kết quả thực hiện điện năng dùng cho truyền tải và phân phối của EVN giảm từ 10,15% (năm 2010) xuống 6,00% (năm 2025) đưa Việt Nam từ nước có điện năng dùng cho truyền tải và phân phối cao về vị trí thứ 02 trong khu vực ASEAN và tương đương với các nước phát triển trên thế giới (Đan Mạch, Pháp, Ba Lan, Thụy Sĩ...)

Tập đoàn luôn đánh giá công tác giảm tổn thất điện năng (TTĐN) là nhiệm vụ trọng tâm trong sản xuất kinh doanh. EVN và các đơn vị đã rút kinh nghiệm những giải pháp đã thực hiện hiệu quả, những tồn tại bất cập trong công tác giảm TTĐN thời gian qua và xây dựng chương trình giảm TTĐN thiết thực, hiệu quả để đạt được kế hoạch đề ra. Tập đoàn và các đơn vị đã triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp quản lý kỹ thuật, vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, giảm sự cố lưới điện cũng như các giải pháp tổ chức, quản lý kinh doanh, đầu tư cải tạo góp phần giảm TTĐN.

Hiện nay, tỷ lệ TTĐN của hệ thống điện Việt Nam đã tiệm cận tổn thất kỹ thuật nên việc giảm tỷ lệ xuống sâu hơn nữa sẽ đòi hỏi chi phí đầu tư rất lớn. EVN sẽ tiếp tục thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 538/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Chiến lược phát triển Tập đoàn Điện lực Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó có nêu đến năm 2030 tỷ lệ điện năng dùng cho truyền tải và phân phối thực hiện phân đầu giảm điện năng dùng cho truyền tải và phân phối về mức ngang bằng với các nước tiên tiến trong khu vực.

2.3.2 Tập đoàn công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam

Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) đã triển khai đồng bộ nhiều nhiệm vụ, giải pháp theo Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả,

a) Về công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện:

TKV đã ban hành các văn bản hướng dẫn về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong toàn Tập đoàn: Thành lập Ban Chỉ đạo Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của TKV; Xây dựng và ban hành Chương trình tổng thể về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

b) Về công tác kiểm toán năng lượng và quản lý năng lượng:

Các đơn vị sử dụng năng lượng trọng điểm của TKV đều đã thực hiện kiểm toán năng lượng định kỳ 3 năm/lần theo quy định. Kết quả kiểm toán đã giúp xác

định và đề xuất các giải pháp tiết kiệm năng lượng, trong đó nhiều giải pháp được áp dụng hiệu quả như: tối ưu hệ thống bơm thoát nước, thông gió, chiếu sáng hầm lò, vận hành băng tải, sử dụng biến tần và điều khiển tự động. - 100% đơn vị trọng điểm đã bố trí cán bộ quản lý năng lượng

c) Về đào tạo, tuyên truyền và nâng cao nhận thức: Tham gia đầy đủ các lớp huấn luyện, đào tạo do các cơ quan quản lý Nhà nước tổ chức. -Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý tại các đơn vị thành viên của TKV.

d) Về đầu tư, đổi mới công nghệ và áp dụng giải pháp kỹ thuật: Triển khai các dự án tiết kiệm năng lượng; Triển khai cải tạo, thay thế thiết bị hiệu suất cao, (Thay thế động cơ hiệu suất IE3, IE4; lắp biến tần cho bơm, quạt gió, băng tải, hệ thống vận chuyển khí nén; Ứng dụng điều khiển tự động, giám sát SCADA cho hệ thống điện mỏ, trạm bơm, băng tải; Chuyển đổi sang đèn LED tiết kiệm điện trong chiếu sáng) . Một số đơn vị đã nghiên cứu tận dụng năng lượng tái tạo (điện mặt trời áp mái) phục vụ vận hành nội bộ.

2.3.2 Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng quốc gia Việt Nam

Tập đoàn năng lượng quốc gia Việt nam đã triển khai đồng loạt các nhiệm vụ thuộc chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả như sau:

- Xây dựng mô hình quản lý năng lượng tại các đơn vị sử dụng năng lượng trọng điểm; xây dựng và triển khai chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả với giải pháp và lộ trình được phê duyệt; tổ chức đánh giá kết quả thực hiện để làm cơ sở cập nhật, bổ sung kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo;

- Tổ chức kiểm toán năng lượng, nhận diện tiềm năng tiết kiệm điện và đề xuất các giải pháp phù hợp;

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước về tình hình triển khai sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

- Thiết lập hệ thống giám sát năng lượng trực tuyến như: Ứng dụng Visual MESA, PI system, báo cáo thống minh PowerBi;

- Nghiên cứu đầu tư thay thế thiết bị cũ bằng thiết bị có hiệu suất sử dụng năng lượng cao. Đồng thời, ưu tiên áp dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại để triển khai các giải pháp tối ưu năng lượng cho nhà máy;

- Xây dựng định mức sử dụng nhiên liệu đối với các thiết bị/ phương tiện phục vụ sản xuất kinh doanh, kiểm soát tiêu hao nhiên liệu, bố trí thời gian vận hành khoa học, hợp lý thực hiện việc bảo dưỡng định kỳ thiết bị sử dụng năng lượng;

- Tham gia các khóa đào tạo: kiểm toán năng lượng, người quản lý năng lượng do Bộ Công Thương tổ chức và cấp chứng chỉ;

- Hợp tác với viện nghiên cứu và các Công ty/Doanh nghiệp dịch vụ năng lượng để triển khai, nghiên cứu các dự án tiết kiệm năng lượng cho cơ sở/ nhà máy.

3. Đánh giá kết quả việc thực hiện mục tiêu của Chương trình trong giai đoạn 2019 – 2025

3.1 Đạt mức tiết kiệm năng lượng 5,0 đến 7,0% tổng tiêu thụ năng lượng toàn quốc trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2025

Theo tính toán của Hội Khoa học công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, trong giai đoạn từ 2019 - 2025 được tính so sánh giữa năng lượng tiêu thụ giả thiết (BAU) và năng lượng tiêu thụ thực tế. Tỷ lệ tiết kiệm năng lượng đến 2024 đạt 4,6% và đến hết 2025 đạt hơn 5%, phù hợp mục tiêu đề ra 5-7%.

Hạng mục	Đơn vị	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2019-2025
Cường độ năng lượng giả thiết (BAU)	kgOE/ 1000 USD	57,44	57,44	57,44	57,44	57,44	57,44	57,44	57,44	57,44
Tiêu thụ năng lượng giả thiết (BAU)	KTOE	60.456	64.905	66.764	8.469	74.315	78.079	81.689	85.467	519.692
Tiêu thụ năng lượng thực tế	KTOE	60.456	64.542	66.014	66.114	71.995	75.122	78.054	81.045	502.860
Lượng năng lượng tiết kiệm	KTOE	-	363,12	750,92	2.355	2.320	2.957	3.635	4.421	16.831
Tỷ lệ tiết kiệm		0,00%	0,56%	1,14%	3,56%	3,22%	3,94%	4,66%	5,46%	3,35%

Kết quả tính toán thu được từ giả thiết trên cho thấy, tỷ lệ tiết kiệm ở giai đoạn tính toán tới năm 2023 là 3,94%, dự báo tích lũy đến 2025 đạt hơn 5%, năm 2020 tỷ lệ tiết kiệm 1,14% do đại dịch Covid19 dẫn đến sự ngưng trệ các hoạt động kinh tế. Tỷ lệ tiết kiệm hàng năm tuy không đạt 5%-7%/năm nhưng có sự gia tăng nhẹ qua các năm. Tỷ lệ tiết kiệm năng lượng cộng dồn cho giai đoạn 2019-2025 sẽ là 3,35%, giai đoạn 2023-2025 ước tính là 4,71

Biểu số liệu dưới đây để tính toán ảnh hưởng của thay đổi cơ cấu kinh tế và tác động thực sự của hành vi thực hiện tiết kiệm năng lượng ở các ngành (thông qua thay đổi cường độ của các ngành kinh tế), trong đó Dịch vụ đã bao gồm Giao thông vận tải và khu vực Dân dụng.

Hạng mục	Đơn vị	2019	2020	2021	2022	2023
Tổng GDP	Triệu USD, Giá 2010	181.657	187.247	192.078	208.944	219.962
Nông nghiệp	Triệu USD, Giá 2010	22.672	23.361	24.228	25.125	26.113
Công nghiệp	Triệu USD, Giá 2010	72.144	75.303	77.718	84.075	87.218
Dịch vụ	Triệu USD, Giá 2010	86.841	88.583	90.132	99.743	106.632
Tổng tiêu thụ NL	KTOE	61.944	63.397	62.461	68.638	71.516
Nông nghiệp	KTOE	3.337	3.253	3.466	3.600	3.789
Công nghiệp	KTOE	30.681	35.065	35.713	37.340	39.266
Dịch vụ	KTOE	27.926	25.079	23.282	27.698	28.461
Cường độ NL	kgOE/USD	321,33	319,51	312,00	314,53	312,14

Mặc dù trong giai đoạn đầu của chương trình (2020, 2021) đại dịch COVID gây ra ảnh hưởng rất lớn đến đời sống kinh tế và sản xuất kinh doanh nhưng sự đóng góp của các hoạt động TKNL kết hợp với thay đổi tích cực trong cơ cấu ngành kinh tế đã giúp cho mục tiêu về tiết kiệm năng lượng của chương trình vẫn được đảm bảo.

3.2 Hoàn thiện cơ chế chính sách và quy định của pháp luật về tiết kiệm năng lượng, bao gồm: Nghiên cứu, bổ sung sửa đổi Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các văn bản dưới Luật; hoàn chỉnh, bổ sung quy định về định mức tiêu thụ năng lượng cho từ 10 đến 15 ngành/tiểu ngành thuộc một số lĩnh vực kinh tế trọng điểm tiêu thụ nhiều năng lượng; xây dựng và phổ biến từ 15 đến 20 hướng dẫn kỹ thuật cho các ngành, phân ngành kinh tế

Với các số liệu báo cáo tại mục 2.1, mục tiêu của Chương trình đối với nội dung “Hoàn thiện cơ chế chính sách và quy định của pháp luật về tiết kiệm năng lượng” đã hoàn thành.

Hiệu quả của việc hình thành hệ thống văn bản pháp lý về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả một cách đồng bộ, thống nhất đã thúc đẩy sự vào cuộc của hệ thống chính trị trên phạm vi toàn quốc; đã làm thay đổi nhận thức và hành vi của toàn xã hội.

Nhìn chung, hệ thống các văn bản pháp luật về SDNL TKHQ của nước ta hiện nay đã tương đối đầy đủ và đồng bộ, tạo nên khung pháp lý cần thiết cho việc triển khai hoạt động, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về SDNL TKHQ, đảm bảo sự thống nhất trong việc áp dụng pháp luật về SDNL TKHQ, giúp cải thiện hiệu quả của nền kinh tế, đồng thời giúp bảo tồn nguồn năng lượng quốc gia, bảo vệ môi trường và giảm phát thải khí nhà kính, đóng góp cho công cuộc giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu, tiết kiệm các nguồn lực đầu tư, từng bước thực hiện các cam kết về bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu...

Luật đã tạo dựng hành lang pháp lý, tháo gỡ rào cản, cụ thể hóa các quy định về biện pháp quản lý, kỹ thuật và chính sách thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong toàn bộ hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng dân dụng, chiếu sáng và sinh hoạt của cộng đồng, tạo điều kiện triển khai đồng bộ hoạt động sử dụng năng lượng TKHQ bền vững của đất nước.

3.3 Giảm mức tổn thất điện năng xuống thấp hơn 6,5%

Theo công văn số 8076/EVN-MTPTBV ngày 18/12/2025 của Tập đoàn điện lực Việt Nam báo cáo: Điện năng dùng cho truyền tải và phân phối của EVN thực hiện giảm đều qua các năm tương ứng với quy mô nguồn, lưới điện ngày càng được nâng cấp, đầu tư mở rộng, đáp ứng mức tăng trưởng cao của phụ tải, với chất lượng điện năng, độ an toàn, tin cậy ngày càng cao. Kết quả thực hiện điện năng dùng cho truyền tải và phân phối của EVN giảm từ 10,15% (năm 2010) xuống 6,00% (năm 2025).

3.4 Giảm mức tiêu hao năng lượng bình quân cho các ngành/phân ngành công nghiệp so với giai đoạn 2015 - 2018, cụ thể: (i) Đối với công nghiệp thép: từ 3,00 đến 10,00% tùy loại sản phẩm và công nghệ sản xuất; (ii) Đối với công nghiệp hóa chất: tối thiểu 7,00%; (iii) Đối với công nghiệp sản xuất nhựa: từ 18,00 đến 22,46%; (iv) Đối với công nghiệp xi măng: tối thiểu 7,50%; (v) Đối với công nghiệp dệt may: tối thiểu 5,00%; (vi) Đối với công nghiệp rượu, bia và nước giải khát: từ 3,00 đến 6,88% tùy vào loại sản phẩm, quy mô sản xuất; (vii) Đối với công nghiệp giấy: từ 8,00 đến 15,80% tùy từng loại sản phẩm và quy mô sản xuất

Kết quả đánh giá cho thấy tiềm năng tiết kiệm năng lượng khu vực công nghiệp tương đối cao với tỷ lệ tiết kiệm năng lượng 5,3%; 9,1%; 12,4% và 16,0% trên tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng theo Kịch bản cơ sở vào các năm 2020, 2025, 2030 và 2035.

Tổng hợp kết quả dự báo mức tiết kiệm năng lượng (đơn vị KTOE)



3.5 Đảm bảo 100% doanh nghiệp vận tải trọng điểm có chương trình phổ biến kỹ năng điều khiển phương tiện/giải pháp kỹ thuật trong khai thác, sử dụng phương tiện giao thông cơ giới theo hướng tiết kiệm năng lượng

- Thực hiện nhiệm vụ rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về tiết kiệm năng lượng thuộc lĩnh vực giao thông vận tải, Bộ Xây dựng đã xây dựng 02 dự thảo TCVN về giới hạn mức tiêu thụ nhiên liệu đối với xe mô tô, xe gắn máy và xe ô tô sản xuất lắp ráp và nhập khẩu mới để gửi Bộ Khoa học và Công nghệ công bố làm cơ sở để các cơ sở sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu xe cơ giới tham khảo trong quá trình thực hiện.

- Bộ Xây dựng đã ban hành quy định phương pháp xác định mức tiêu thụ nhiên liệu để phục vụ dán nhãn năng lượng được quy định tại QCVN 09:2024/BGTVT (đối với ô tô) và QCVN 14:2024/BGTVT (đối với mô tô, xe gắn máy). Đồng thời, tiếp tục triển khai Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải và nhiệm vụ được Lãnh đạo Chính phủ giao, Bộ đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo đề xuất chính sách hỗ trợ chuyển đổi sang ô tô điện; báo cáo đề xuất chính sách khuyến khích chuyển đổi phương tiện sang sử dụng điện đối với các tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt liên tỉnh và có định nhằm thúc đẩy hoạt động chuyển đổi sử dụng năng lượng trong giao.

- Tiếp tục triển khai quy định về tiêu thụ dán nhãn năng lượng đối với xe ô con và xe mô tô, xe gắn máy sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu theo Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT, Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng).

- Xây dựng và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe hàng, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ, trong đó bổ sung quy định về khu vực bố trí hệ thống sạc điện cho phương tiện giao thông sử dụng năng lượng điện.

- Bộ đã xây dựng Thông tư quy định dán nhãn năng lượng đối với các phương tiện sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng nhằm triển khai nhiệm vụ được giao tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3.6 Đạt 70% khu công nghiệp và 50% cụm công nghiệp được tiếp cận, áp dụng các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Các khu công nghiệp đã tiếp cận và áp dụng các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: Quảng Ngãi (70%); Bắc Ninh (90%); các tỉnh đạt 100% gồm: Cần Thơ; Đồng Nai; Hà Nội; Hưng Yên; Ninh Bình; Đắk Lắk; Lạng Sơn; Sơn La; Thanh Hóa. Với kết quả này thì đến năm 2025 cơ bản đã đạt mục tiêu 70% doanh nghiệp tiếp cận và áp dụng giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Số cụm công nghiệp đã tiếp cận và áp dụng các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: Quảng Ngãi (70%); Bắc Ninh (80%); các tỉnh đạt 100% gồm: Cần Thơ; Đồng Nai; Hà Nội; Hưng Yên; Ninh Bình; Đắk Lắk; Lạng Sơn; Sơn La; Thanh Hóa. Như vậy tính đến năm 2025 về cơ bản cũng đã đạt được mục tiêu 50% cụm công nghiệp đã tiếp cận và áp dụng các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3.7 Đảm bảo 100% cơ sở tiêu thụ năng lượng trọng điểm áp dụng hệ thống quản lý năng lượng theo quy định

Theo báo cáo khảo sát DEPP3 để đánh giá sự tuân thủ về QLNL của các doanh nghiệp công nghiệp. Có 750 doanh nghiệp được lựa chọn theo các tiêu chí khác nhau, đảm bảo tính đại diện về quy mô, ngành nghề, vị trí địa lý để gửi Phiếu khảo sát trực tuyến đánh giá sự tuân thủ về quản lý năng lượng (QLNL). Kết quả, đã nhận được 371 Phiếu trả lời hợp lệ, bao gồm từ 340 cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm và 31 cơ sở sử dụng năng lượng cận trọng điểm tại 03 miền Bắc – Trung – Nam thuộc các ngành nghề khác nhau như: Thực phẩm, đồ uống; Dệt may, giày dép; Công nghiệp nặng, chế biến khoáng sản; Gỗ và sản phẩm từ gỗ, giấy; Công nghiệp điện tử, linh kiện; Nông sản, đường, các sản phẩm từ thực vật; Sản xuất vật liệu xây dựng; Hóa chất, dược phẩm; Khác. Tổng hợp kết quả từ Phiếu trả lời khảo sát trực tuyến của 340 DEU cho thấy, tất cả (100%) các doanh nghiệp này đã thực hiện các hoạt động có liên quan đến QLNL, tuy nhiên mức độ tuân thủ còn có sự khác biệt và chưa đồng đều. Cụ thể, nếu cộng cả số doanh nghiệp tuân thủ đầy đủ và tuân thủ chưa đầy đủ 6 nhóm tiêu chí QLNL theo yêu cầu thì có 100% số doanh nghiệp. Tuy nhiên có khoảng 67% số lượng các doanh nghiệp mới chỉ tuân thủ được một số yêu cầu về QLNL và chưa đáp ứng một số các yêu cầu khác. Bên cạnh đó, đa số doanh nghiệp còn tập trung đáp ứng các yêu cầu cơ bản có tính chất bắt buộc như xây dựng chính sách – kế hoạch, cơ cấu bộ máy và báo cáo, các hoạt động liên quan đến đầu tư cho các giải pháp tiết kiệm năng lượng còn ít được thực hiện.

3.8 Đảm bảo việc tuân thủ và thực hiện các yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả đối với các công trình xây dựng thuộc phạm vi áp dụng của Quy chuẩn

- Theo báo cáo của Bộ Xây dựng, tính đến nay, Bộ Xây dựng đã công bố 03 tài liệu hướng dẫn: (1) Tài liệu hướng dẫn thiết kế và vận hành công trình bệnh viện sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả ở Việt Nam; (2) Tài liệu hướng dẫn

sử dụng công cụ mô phỏng, tính toán tiết kiệm năng lượng cho các loại công trình mới, công trình cải tạo phù hợp với điều kiện Việt Nam; (3) Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật tối ưu hóa chế độ vận hành của hệ thống điều hòa không khí trong các công trình văn phòng hướng tới sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, đã chuyên Bộ Khoa học và Công nghệ công bố 21 tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) liên quan đến tiết kiệm năng lượng.

- Bộ Xây dựng đã giao cho Viện Vật liệu xây dựng nghiên cứu, soạn thảo quy định lộ trình dán nhãn năng lượng đối với vật liệu xây dựng, dự kiến ban hành trong năm 2026 nhằm triển khai các quy định mới được giao trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3.9 Đạt 80 công trình xây dựng được chứng nhận công trình xanh, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Theo báo cáo của Bộ Xây dựng, tính đến hết quý IV năm 2024, cả nước đã có 559 công trình được đánh giá, chứng nhận là công trình xanh với tổng diện tích sàn xây dựng khoảng trên 13,5 triệu m². Năm 2024 ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ của công trình xanh tại Việt Nam, với 163 công trình được chứng nhận mới, gấp hơn 2 lần so với năm 2023, và gấp 3 lần so với năm 2022 (có 54 công trình). Số lượng công trình xây dựng được chứng nhận công trình xanh, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hiện nay đã vượt chỉ tiêu đặt ra tại Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết và hiệu quả giai đoạn 2019-2030.

3.10 Xây dựng và thực hiện chương trình chuyển đổi thị trường về hiệu suất năng lượng cho ít nhất 05 sản phẩm phổ biến trên thị trường

Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 52/2025/TT-BCT ngày 14/11/2025 quy định danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng thuộc phạm vi quản lý và lộ trình thực hiện của Bộ Công Thương. Theo đó, 5 sản phẩm đã được bổ sung vào triển khai chương trình dán nhãn năng lượng bao gồm: bếp từ, bếp hồng ngoại, lò vi sóng, máy tính để bàn và máy điều hòa không khí thương mại, đèn LED chiếu sáng đường phố.

Các sản phẩm bếp từ, bếp hồng ngoại, lò vi sóng, máy tính để bàn và đèn LED chiếu sáng đường phố sẽ thực hiện dán nhãn năng lượng tự nguyện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026 và bắt đầu thực hiện dán nhãn năng lượng bắt buộc từ ngày 01 tháng 01 năm 2027. Đối với máy điều hòa không khí thương mại được thực hiện dán nhãn năng lượng tự nguyện.

3.11 Đào tạo và cấp chứng chỉ cho 3.000 chuyên gia quản lý năng lượng/kiểm toán năng lượng

Giai đoạn 2019-2025, Bộ Công Thương đã tổ chức triển khai thực hiện nội dung này, hoàn thành mục tiêu của Chương trình.

3.12 Đạt 60% trường học có hoạt động tuyên truyền, giảng dạy về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, các trường học đều có hoạt động tuyên truyền, giảng dạy về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3.13 Đạt 90% các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng và phê duyệt kế hoạch/chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại địa phương

Tính đến hết năm 2020, 100% các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã xây dựng và phê duyệt kế hoạch, chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại địa phương.

3.14 Duy trì, phát triển hệ thống mạng lưới các đơn vị tiết kiệm năng lượng và sản xuất sạch hơn tại ít nhất 50 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; xây dựng và duy trì mạng lưới quản lý năng lượng quốc gia

Hiện nay, trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại tại Sở Công Thương cấp tỉnh trên cả nước đều thực hiện nhiệm vụ triển khai các chương trình, đề án khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, sử dụng năng lượng tiết kiệm, sản xuất bền vững và các hoạt động xúc tiến thương mại; đồng thời cung cấp dịch vụ công, tư vấn cho doanh nghiệp và người dân về các lĩnh vực này. Ngoài ra còn có rất nhiều các đơn vị độc lập hoạt động tư vấn, kiểm toán năng lượng như: Công ty cổ phần giải pháp công nghệ Việt Nam (VETS); Công ty Cổ phần Tiết kiệm Năng lượng Bách Khoa (ECC Bách Khoa); Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Năng Lượng Bách Khoa Hà Nội (BKET); Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển về Tiết kiệm Năng lượng (ENERTEAM) ...

III. Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2026-2030

Với kết quả đã đạt được trong giai đoạn vừa qua, tư vấn cho rằng trong giai đoạn 2026-2030 lượng năng lượng tiết kiệm có thể đạt mức 8-10% tổng tiêu thụ năng lượng thương mại của cả nước trong giai đoạn 2026 - 2030 được dự báo theo Hiệu chỉnh Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia giai đoạn đến 2030 tầm nhìn 2050, tương đương khoảng 10 triệu TOE vào năm 2030. Để đạt được mục tiêu này, tư vấn cho rằng, cần tiếp tục triển khai các nhóm dự án với các trọng tâm cụ thể như sau:

3.1. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật, tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức cộng đồng về SDNL TKHQ

Khung mục tiêu chung của Chương trình giai đoạn 2019-2030 theo Quyết định 280/QĐ-TTg đặt ra ở giai đoạn 2026-2030 là tỷ lệ tiết kiệm đạt 8%-10% tổng tiêu thụ năng lượng toàn quốc, tỷ lệ này cũng được nhắc đến trong Nghị quyết 70-NQ/TW (2025). Tuy nhiên, theo kết quả tính toán giai đoạn 2019-2025, để đạt mục tiêu trong giai nêu trên cần xem xét, thắt chặt hơn các mục tiêu cụ thể của Chương trình giai đoạn đến năm 2030; đồng thời, ràng buộc đối với các ngành hoặc lĩnh vực trọng điểm như công nghiệp, tòa nhà, xây dựng... đi kèm với các kế hoạch đo lường, kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ; các nhiệm vụ cụ thể:

- Về cơ chế, chính sách, pháp luật: tập trung nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện toàn bộ các văn bản hướng dẫn dưới Luật số 77/2025/QH15, bao gồm:

+ Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

+ Các Thông tư hướng dẫn hoạt động kiểm toán năng lượng, tổ chức dịch vụ năng lượng (ESCO), hệ thống quản lý năng lượng...

+ Bổ sung định mức tiêu thụ năng lượng cho một số ngành công nghiệp tiêu thụ nhiều năng lượng như: xi măng, vật liệu xây dựng, công nghiệp khai khoáng, công nghiệp điện lực....

- Xem xét đưa thêm “trọng điểm” với logistics, bổ sung chỉ tiêu về giảm tiêu thụ năng lượng hoặc cường độ năng lượng ngành, tiểu ngành,

- Đối với các chương trình, dự án:

+ Chương trình dán nhãn: tiếp tục phát triển, xây dựng tiêu chuẩn HSNL sản phẩm sử dụng năng lượng theo lộ trình, đầu tư thiết bị thử nghiệm đạt chuẩn; kết hợp thực hiện thương mại hóa trong thời kỳ công nghệ thông minh.

+ Tiếp tục mở rộng danh mục thiết bị dán nhãn năng lượng như: Lò hơi công nghiệp, Máy biến áp, Máy lạnh công nghiệp: Máy lạnh tủ đứng, Máy lạnh âm trần, hệ thống Chiller...

+ Đào tạo kiểm toán viên năng lượng và người QLNL: tiếp tục đặt mục tiêu số lượt đào tạo, số chứng chỉ cấp; từng bước số hóa chương trình và nội dung đào tạo, định kỳ cập nhật kiến thức theo xu hướng đổi mới công nghệ.

+ Truyền thông: tiếp tục triển khai hàng năm các hương trình giờ trái đất, cuộc thi quốc gia về HQNL trong Công nghiệp, Tòa nhà, Sản phẩm hiệu suất năng lượng cao nhất, Giải pháp đổi mới sáng tạo nâng cao hiệu quả SDNL, hội trợ tiêu dùng xanh, các chương trình và hoạt động TKNL tại cộng đồng, trường học...

+ Thí điểm một số dự án TKNL trong công nghiệp, tòa nhà với các cơ chế hỗ trợ tài chính như Quỹ SDNL TKHQ, dịch vụ ESCO....

+ Bố trí nguồn lực, hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ triển khai hoạt động TKNL gắn với sản xuất sạch, bảo vệ môi trường tại các địa phương.

- TKNL trong ngành GTVT ở giai đoạn tới nên được chú trọng hơn, gắn với kế hoạch xe điện công cộng, metro, logistics xanh, chuẩn tiêu hao nhiên liệu phương tiện giao thông.

- Về thực thi và hỗ trợ tài chính: xem xét việc các tỉnh nên có các hoạt động TKNL riêng từng tỉnh, đưa ra chỉ tiêu TKNL và cường độ năng lượng riêng phù hợp theo mục tiêu chung của Chương trình; phát triển các sản phẩm tài chính xanh; khuyến khích và hỗ trợ đầu tư các hoạt động đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng.

3.2. Thúc đẩy sử dụng các trang thiết bị hiệu suất cao

Ở giai đoạn 2026 - 2030, dự kiến Chương trình sẽ tiếp tục xây dựng tiêu chuẩn hiệu suất cho các sản phẩm còn lại đồng thời với việc rà soát nâng chuẩn của các thiết bị đã dán nhãn, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động khảo sát thị trường và hỗ trợ các nhà sản xuất trong nước sản xuất các thiết bị có hiệu suất cao.

Thành phần 2.1. Xây dựng các tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng và thực hiện chương trình dán nhãn năng lượng bắt buộc và tự nguyện:

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình dán nhãn đối với các sản phẩm gia dụng, văn phòng và công nghiệp còn lại theo lộ trình.
- Nghiên cứu nâng cấp tiêu chuẩn 5 sao đối với một số sản phẩm đã dán nhãn trong giai đoạn trước.
- Chỉ định thêm các trung tâm kiểm định phòng thí nghiệm phục vụ công tác dán nhãn kết hợp với đào tạo nguồn nhân lực cho các cán bộ kiểm định.
- Thực hiện chương trình khảo sát thị trường định kỳ (hàng năm hoặc 2 năm một lần) nhằm đánh giá hiệu quả của chương trình dán nhãn.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu chương trình tiêu chuẩn, dán nhãn năng lượng và công bố ra công chúng thông qua trang mạng của Chương trình.

Thành phần 2.2. Hỗ trợ kỹ thuật đối với các nhà sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, bán lẻ sản phẩm hiệu suất năng lượng cao:

- Thực hiện hỗ trợ các nhà sản xuất những sản phẩm hiệu suất năng lượng cao thông qua hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo, chia sẻ thông tin và hỗ trợ vốn vay ưu đãi.
- Gắn biển chứng nhận Siêu thị điện máy xanh cho các đơn vị bán lẻ đạt doanh thu về các sản phẩm hiệu suất năng lượng cao.
- Cung cấp các khóa đào tạo cho đại diện các siêu thị về cách thức bán hàng và truyền tải thông tin về sản phẩm hiệu suất năng lượng cao đến người tiêu dùng.
- Nghiên cứu ban hành Thông tư quy định sử dụng các trang thiết bị hiệu suất năng lượng cao trong các công trình đầu tư công.

3.3. Các hoạt động sản xuất công nghiệp

Xây dựng định mức sử dụng năng lượng trong sản xuất đối với một số lĩnh vực được lựa chọn đồng thời xây dựng lộ trình, kế hoạch hành động về TKNL và chuyển đổi công nghệ.

Đẩy mạnh việc thực hiện Hệ thống ISO 50001 thông qua các hoạt động đào tạo và chứng nhận nằm trong khuôn khổ dự án hợp tác quốc tế.

Tiếp tục tổng hợp danh mục các doanh nghiệp trọng điểm hàng năm đồng thời hướng dẫn và hỗ trợ các doanh nghiệp này thực hiện công tác báo cáo tình hình sử dụng năng lượng hàng năm với các Sở Công Thương địa phương và trang mạng của Chương trình (<http://dataenergy.vn>).

Xây dựng hệ thống quản lý và giám sát mức tiêu thụ điện năng trong sản xuất của các cơ sở sản xuất công nghiệp thuộc lĩnh vực được lựa chọn, khuyến khích và tiến tới bắt buộc áp dụng các định mức tiêu hao năng lượng tiên tiến trên một đơn vị sản phẩm đối với một số ngành công nghiệp tiêu thụ nhiều năng lượng.

3.4. Khu vực tòa nhà và chiếu sáng công cộng

Thúc đẩy việc thực thi Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (QCXD 09:2013/BXD).

Đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, cán bộ quản lý năng lượng, tư vấn thiết kế, thẩm định, giám sát... về các nội dung của Bộ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Xây dựng chương trình kiểm toán năng lượng riêng cho khu vực tòa nhà.

Xây dựng các công cụ đánh giá công trình xanh dành riêng cho môi trường xây dựng Việt Nam, trong đó bao gồm các tiêu chí về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Phối hợp ban hành các Thông tư hướng dẫn việc thực hiện QCXD 09:2013/BXD trong các tòa nhà khác nhau như văn phòng, bệnh viện, trường học... đồng thời với các chế tài xử phạt.

Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về tiêu thụ năng lượng của các tòa nhà, trước hết là các tòa nhà có diện tích sàn lớn hơn 2500m².

Xây dựng định mức sử dụng năng lượng trong quản lý (benchmark) cho các tòa nhà khác nhau.

Xây dựng các tòa nhà mẫu về sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả có áp dụng mô hình quản lý năng lượng.

Xây dựng các tiêu chí, tiêu chuẩn, công cụ, các quy định khuyến khích, hỗ trợ phát triển công trình xanh; quy định về trình tự, thủ tục đánh giá, công nhận công trình xanh.

Triển khai đề án xây dựng phòng thử nghiệm, đánh giá, chứng nhận các vật liệu tiết kiệm năng lượng và tổ chức thực hiện

Ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về chiếu sáng công cộng TKNL đồng thời ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả về chiếu sáng công cộng ở các địa phương.

3.5. Lĩnh vực giao thông vận tải

Thành phần 5.1. TKNL trong quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng GTVT.

- Xây dựng quy định hướng dẫn việc lồng ghép nội dung TKNL trong các dự án quy hoạch phát triển, trong công tác lập dự án đầu tư và thi công công trình GTVT.

- Phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng sử dụng nhiên liệu sạch, vận tải hành khách khối lượng lớn nhằm cải thiện điều kiện đi lại cho người dân, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và bảo vệ môi trường.

Thành phần 5.2. Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong việc tổ chức và khai thác hệ thống GTVT.

- Xây dựng và tổ chức phân luồng giao thông nhằm hạn chế ùn tắc giao thông tại các khu vực đô thị.

- Xây dựng và triển khai các đề án phối hợp các phương thức vận tải hàng hóa, ưu tiên phát triển phương thức vận tải khối lượng lớn tiết kiệm nhiên liệu, thân thiện với môi trường; khai thác hợp lý hệ thống vận tải đường sắt, đường thủy.

- Xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn về suất tiêu hao nhiên liệu tối thiểu đối với một số loại phương tiện GTVT theo điều kiện và khả năng áp dụng từng giai đoạn.

- Phổ biến, tuyên truyền kỹ năng lái xe tiết kiệm nhiên liệu và thân thiện môi trường, nâng cao ý thức tiết kiệm nhiên liệu trong GTVT.

- Xây dựng và thực hiện đẩy mạnh công tác bảo dưỡng, sửa chữa duy trì tình trạng kỹ thuật phương tiện, thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng phương tiện, thiết bị GTVT.

Thành phần 5.3. Ứng dụng công nghệ mới, năng lượng tái tạo trong GTVT.

- Áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật và công nghệ mới trong GTVT nhằm TKNL, giảm phát thải chất ô nhiễm ra môi trường.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ việc thương mại hóa xăng sinh học ở khu vực nội thị.

- Triển khai ứng dụng năng lượng tái tạo, năng lượng thay thế nhiên liệu truyền thống đối với phương tiện, thiết bị GTVT nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng.

Thành phần 5.4. Phát triển phương tiện giao thông điện:

- Hỗ trợ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong nước phát triển công nghiệp hỗ trợ để cung ứng cho ngành công nghiệp xe điện

- Khuyến khích các dự án khu đô thị, bãi đỗ xe tích hợp hạ tầng sạc cho phương tiện giao thông điện.

- Phối hợp với các địa phương thúc đẩy phát triển hệ thống giao thông công cộng sử dụng điện tại các đô thị lớn.

- Phối hợp với các địa phương tăng cường phát triển hệ thống giao thông công cộng, giao thông phi cơ giới nhằm giảm nhu cầu sử dụng phương tiện cá nhân và tiêu thụ xăng, dầu.

3.6 Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện các quy định của pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Tổ chức các đoàn công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện các quy định của pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3.7 Tăng cường đào tạo nâng cao năng lực cho cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân khác tham gia hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức các cấp đang thực hiện nhiệm vụ về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
- Đào tạo về nghiệp vụ đánh giá thẩm định dự án đầu tư về tiết kiệm năng lượng cho nhân viên các ngân hàng thương mại.
- Đẩy mạnh đào tạo nhân sự chuyên sâu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: Kiểm toán viên năng lượng; Người quản lý năng lượng.
- Triển khai khai áp dụng hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 5001:2018 tại các cơ sở sản xuất kinh doanh.

3.8 Vận động, tuyên truyền về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, tiết kiệm điện.

- Tổ chức hoạt động tuyên truyền phù hợp trên các phương tiện thông tin đại chúng về tiết kiệm điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
- Tổ chức các cuộc thi, hội nghị, các sự kiện nhằm phát động, tuyên truyền về tiết kiệm điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo tồn tài nguyên năng lượng.
- Tuyên truyền học đường về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, tiết kiệm điện.

Các nội dung triển khai trong giai đoạn 2026 - 2030 sẽ tạo bước chuyển biến, đột phá trong việc nâng cao hiệu suất, với tiêu chí lựa chọn có chủ đích từng dự án cụ thể nhằm tác động một cách thực chất và hiệu quả vào việc hoàn thành các mục tiêu của Chương trình, đóng góp tích cực cho việc cải thiện hiệu suất sử dụng năng lượng trong các khâu sử dụng năng lượng cuối cùng, tập trung vào bốn lĩnh vực:

- Sản xuất công nghiệp,
- Các công trình xây dựng dân dụng sử dụng nhiều năng lượng,
- Giao thông vận tải, và
- Sử dụng năng lượng trong hoạt động dịch vụ, các hộ gia đình.

IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Khó khăn, vướng mắc

a) Hạn chế về tổ chức triển khai Chương trình

- Người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước, công chức tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chưa nhận thức, thể hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm đối với việc thúc đẩy hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại địa phương. Một số kế hoạch thực hiện Chương trình được ban hành còn chung chung về mục tiêu, hoặc mục tiêu đưa ra bám theo mục tiêu quốc gia mà không

tính đến đặc điểm cụ thể về sử dụng năng lượng của địa phương, ít gắn kết với đặc điểm kinh tế xã hội, tiềm năng tiết kiệm năng lượng, đặc biệt là chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của địa phương. Bên cạnh đó việc bố trí nguồn lực tài chính, đặc biệt là ngân sách địa phương để tổ chức thực hiện Kế hoạch tiết kiệm năng lượng còn chưa phù hợp.

- Cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương còn hạn chế, lúng túng trong xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch thực hiện Chương trình trên địa bàn quản lý. Đến nay có khoảng 89% số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình. Các nhiệm vụ chủ yếu tập trung vào hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức. Hầu hết các Kế hoạch triển khai thực hiện của địa phương thiếu chỉ số đánh giá và giám sát.

- Công tác quản lý, giám sát việc sử dụng năng lượng của các cơ quan, tổ chức còn chưa được quan tâm đúng mức, chưa sát sao trong tổ chức thực hiện Chỉ thị số 20.

b) Hạn chế về nhận thức

- Nhiều đối tượng như cơ quan, doanh nghiệp, người dân chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, chưa thấy rõ ý nghĩa, vai trò của việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với bản thân, gia đình, xã hội và đất nước và chưa quan tâm đến tiêu chí tiết kiệm năng lượng khi mua sắm các thiết bị gia dụng sử dụng điện so với các tính năng khác của thiết bị.

- Doanh nghiệp sản xuất, chế biến chưa chủ động trong triển khai các hoạt động tiết kiệm năng lượng tại đơn vị. Các hoạt động đầu tư cải tạo, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng còn ít, mức độ đưa tiêu chí sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong đổi mới công nghệ, cải tạo năng cấp, thay thế trang thiết bị, phương tiện sản xuất còn hạn chế. Chưa xây dựng được phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong tập thể người lao động. Việc vận động, tuyên truyền người lao động chủ động thực hiện các hành động tiết kiệm năng lượng còn bị xem nhẹ. Ngoại trừ doanh nghiệp bắt buộc thực hiện kiểm toán năng lượng, đa phần các doanh nghiệp khác chưa tiến hành hoạt động kiểm toán năng lượng.

c) Hạn chế về cơ chế tài chính, chính sách

- Bố trí, huy động nguồn lực tài chính từ các nguồn hợp pháp phục vụ thực hiện Chương trình đạt thấp. Nhiều địa phương chưa bố trí ngân sách thực hiện Chương trình, những địa phương đã bố trí ngân sách thì mức độ còn rất hạn chế, khó đảm bảo việc thực hiện mục tiêu của địa phương trong Kế hoạch thực hiện đã ban hành.

- Nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của Liên minh Châu Âu thuộc Chương trình Chuyển đổi năng lượng bền vững Việt Nam – EU cho hợp phần sử dụng hiệu quả năng lượng (khoảng 50 triệu Euro) do vướng các thủ tục phía Việt Nam nên chỉ bắt đầu được giải ngân từ năm 2025. Bộ Công Thương đã có văn bản đôn

đốc, hướng dẫn, tuy nhiên các bộ, ngành, địa phương chưa sẵn sàng để tiếp nhận, thực hiện giải ngân nguồn vốn này.

- Nguồn vốn của tổ chức tín dụng phục vụ đầu tư tiết kiệm và hiệu quả năng lượng không nhiều và thường được coi như vốn phục vụ đầu tư phát triển khác do chưa có cơ chế, chính sách hỗ trợ đặc thù. Nhân viên tín dụng còn yếu về nghiệp vụ nhận diện, đánh giá các dự án đầu tư về tiết kiệm năng lượng.

- Cơ chế chính sách khuyến khích sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả còn thiếu và chưa tạo ra được động lực đối với người dân, doanh nghiệp và cộng đồng.

d) Một số hạn chế, vướng mắc khác

- Số lượng các sản phẩm trí tuệ tạo đột phá về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả còn ít. Thông tin về công nghệ tiết kiệm và hiệu quả năng lượng còn thiếu, yếu, chưa hệ thống. Số lượng các nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ về tiết kiệm năng lượng mang lại hiệu quả về kinh tế còn khiêm tốn và chưa được phổ biến.

- Số lượng doanh nghiệp dịch vụ tiết kiệm năng lượng còn ít. Hoạt động kinh doanh dịch vụ tiết kiệm năng lượng gặp nhiều rủi ro và chưa được pháp luật bảo vệ. Thị trường dịch vụ tiết kiệm năng lượng chưa được định hướng và hỗ trợ phát triển tương xứng.

- Đội ngũ nhân lực hoạt động trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả chưa đủ về số lượng. Đến năm 2030, mới có khoảng 5.000 nhân sự kiểm toán viên năng lượng, người quản lý năng lượng được đào tạo thêm nhằm phục vụ cho hoạt động quản lý năng lượng, kiểm toán năng lượng của cả nước. Số lượng chuyên gia, nhà nghiên cứu, nhà quản lý chuyên sâu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả rất ít, trong đó có tỷ lệ không nhỏ là các chuyên gia từ lĩnh vực khác đã nghỉ hưu chuyển sang.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm và chưa thực sự theo hướng sử dụng năng lượng có hiệu quả.

- Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 dẫn đến hiệu quả sử dụng điện, sử dụng năng lượng ở khu vực sản xuất bị ảnh hưởng, suy giảm (do chế độ vận hành non tải, không tối ưu...); tiêu thụ điện dân dụng tăng mạnh (do chế độ làm việc và học tập online tại nhà nên tiêu thụ điện của các hộ gia đình tăng cao), các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn và hạn chế đầu tư vào các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

2. Phương hướng khắc phục và đề xuất, kiến nghị

a) Về tổ chức, quản lý thực hiện Chương trình:

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, như: quy định về định mức sử

dụng năng lượng trong lĩnh vực sử dụng nhiều năng lượng như xi măng, gốm sứ, kính xây dựng, hoàn thiện các văn bản hướng dẫn dưới Luật.

- Hướng dẫn, đôn đốc việc đưa chỉ tiêu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả vào kế hoạch phát triển kinh tế hằng năm và trong từng giai đoạn của địa phương.

- Nâng cao năng lực cho các cán bộ phương trong quá trình triển khai thực hiện, giám sát, thực thi các quy định pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

b) Về đào tạo, nâng cao nhận thức:

- Tăng cường tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, kiến thức cho đội ngũ công chức tại địa phương thực hiện quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu cho các chuyên gia, đơn vị tư vấn và doanh nghiệp về các giải pháp, công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, tăng cường triển khai, áp dụng trên thực tế cho các doanh nghiệp.

- Lồng ghép tuyên truyền, vận động lối sống sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả vào các cuộc vận động của Đảng và Nhà nước.

c) Về cơ chế khuyến khích thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả:

- Xây dựng, sớm đưa quỹ Thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả vào vận hành nhằm tạo dòng vốn hỗ trợ đầu tư tiết kiệm năng lượng.

- Tiếp tục xây dựng các cơ chế khuyến khích đầu tư vào dự án SDNL TKHQ, thúc đẩy chuyển đổi thị trường thiết bị TKNL. Huy động tối đa các nguồn lực quốc tế hỗ trợ cho lĩnh vực SDNL TKHQ.

- Lồng ghép lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả vào các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ và cấp tỉnh, thành phố.

**PHỤ LỤC I: DANH MỤC VĂN BẢN VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG
TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
I	Văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan trung ương ban hành		
<i>I.1</i>	<i>Luật, Nghị quyết của Quốc hội</i>		
1	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Luật 77/2025/QH15	18/05/2025	01/01/2026
2	Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Luật 50/2010/QH12	17/06/2010	01/01/2011
<i>I.2</i>	<i>Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</i>		
1	Nghị định số 30/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	21/01/2026	21/01/2026
2	Nghị định số 134/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	17/10/2013	01/12/2013
3	Nghị định số 17/2022/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí.	31/01/2022	31/01/2022
4	Quyết định 04/2017/QĐ-TTg Quy định danh mục phương tiện, thiết bị phải dán	9/3/2017	25/4/2017

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
	nhãn năng lượng, áp dụng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu và lộ trình thực hiện		
5	Quyết định số 14/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Danh mục và lộ trình phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng phải loại bỏ và các tổ máy phát điện hiệu suất thấp không được xây dựng mới	24/5/2023	15/7/2023
6	Quyết định 68/2011/QĐ-TTg ban hành Danh mục phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng được trang bị, mua sắm đối với cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước	12/12/2011	01/02/2012
I.3	<i>Thông tư, Thông tư liên tịch của các bộ, cơ quan ngang bộ</i>		
1	Thông tư 53/2025/TT-BCT quy định về đào tạo, cấp chứng chỉ quản lý năng lượng và kiểm toán năng lượng	14/11/2025	01/01/2026
2	Thông tư 52/2025/TT-BCT quy định danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng thuộc phạm vi quản lý và lộ trình thực hiện của Bộ Công Thương	14/11/2025	01/01/2026
3	Thông tư số 28/2024/TT-BCT quy định định mức tiêu hao năng lượng trong ngành công nghiệp sản xuất bia và đồ uống không cồn	15/12/2024	01/04/2025
4	Thông tư số 29/2024/TT-BCT Quy định định mức tiêu hao năng lượng trong ngành nhựa	25/12/2024	01/04/2025
5	Thông tư số 50/2025/TT-BCT Quy định lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống tại Việt Nam	07/11/2025	01/01/2026
6	Thông tư số 48/2022/TT-BGTVT hướng dẫn việc dán nhãn năng lượng đối với xe	30/12/2022	01/7/2023

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
	ô tô con, xe mô tô, xe gắn máy sử dụng điện và hybrid điện		
7	Thông tư số 25/2020/TT-BCT quy định về việc lập kế hoạch, báo cáo thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện kiểm toán năng lượng	29/09/2020	13/11/2020
8	Thông tư số 39/2019/TT-BCT quy định định mức tiêu hao năng lượng trong ngành công nghiệp sản xuất đường mía	29/11/2019	14/01/2020
9	Thông tư số 59/2018/TT-BGTVT hướng dẫn việc dán nhãn năng lượng đối với xe mô tô, xe gắn máy sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu	17/12/2018	01/01/2020
10	Thông tư số 52/2018/TT-BCT Quy định định mức tiêu hao năng lượng trong ngành công nghiệp chế biến thủy sản, áp dụng cho quá trình chế biến công nghiệp của các nhóm sản phẩm cá da trơn và tôm	25/12/2018	18/02/2019
11	Thông tư số 24/2017/TT-BCT Quy định định mức tiêu hao năng lượng trong ngành sản xuất giấy	23/11/2017	10/01/2018
12	Thông tư số 15/2017/TT-BXD Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả, mã số QCVN 09:2017/BXD.	28/12/2017	01/06/2018
13	Thông tư số 40/2017/TT-BGTVT Hướng dẫn việc dán nhãn năng lượng đối với xe ô tô con loại trên 07 chỗ đến 09 chỗ	09/11/2017	01/01/2018
14	Thông tư số 91/2018/TT-BTC Hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện lộ trình dán nhãn năng lượng và áp dụng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu	28/9/2018	18/12/2018
15	Thông tư số 36/2016/TT-BCT Quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện,	28/12/2016	10/02/2017

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
	thiết bị sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương		
16	Thông tư số 38/2016/TT-BCT Quy định định mức tiêu hao năng lượng trong ngành nhựa	28/12/2016	10/02/2017
17	Thông tư số 19/2016/TT-BCT quy định định mức tiêu hao năng lượng trong ngành công nghiệp sản xuất bia và nước giải khát	14/9/2016	01/11/2016
18	Thông tư số 20/2016/TT-BCT quy định định mức tiêu hao năng lượng trong ngành công nghiệp thép	20/9/2016	08/11/2016
19	Thông tư 43/2015/TT-BCT quy định tỉ lệ hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu	08/12/2015	01/05/2016
20	Thông tư số 02/2014/TT- BCT quy định các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các ngành công nghiệp	16/01/2014	01/06/2014
21	Thông tư liên tịch số 43/2014/TTLT-BGTVT-BCT ngày 24/9/2014 quy định về dán nhãn năng lượng đối với xe ô tô con loại từ 07 chỗ trở xuống	24/9/2014	01/12/2014
22	Thông tư số 19/2013/TT-BNNPTNT hướng dẫn biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp	15/3/2013	01/05/2013
II	Văn bản chỉ đạo điều hành của TW, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương và các Bộ, ngành		
1	Nghị quyết số 70-NQ/TW của Bộ Chính trị về đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn 2045	20/8/2025	20/8/2025

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
2	Nghị quyết số 328/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW	13/10/2025	13/10/2025
3	Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn 2045	11/2/2020	11/2/2020
4	Nghị quyết số 140/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 55/NQ/TW	02/10/2020	02/10/2020
5	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ hàng năm ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm	Hàng năm	
6	Chỉ thị số 20/2020/CT-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2020 về tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020-2025	07/5/2020	07/5/2020
7	Chỉ thị số 20/2023/CT-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2023 về tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2023-2025 và các năm tiếp theo	08/6/2023	08/6/2023
8	Quyết định số 280/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030	13/3/2019	13/3/2019
9	Quyết định số 12/QĐ-BCĐTKNL Quy chế xây dựng, tuyển chọn và tổ chức quản lý thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030.	19/1/2022	19/1/2022
10	Quyết định số 145/QĐ-BCT của Bộ Công Thương ban hành hướng dẫn kỹ thuật triển khai thực hiện các giải pháp thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030.	08/02/2022	08/02/2022
11	Quyết định số 2539/2020 của Bộ Công	30/9/2020	30/9/2020

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
	Thương ban hành hướng dẫn kiểm tra hiệu suất năng lượng cho các phương tiện, thiết bị dán nhãn năng lượng và áp dụng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu lưu thông trên thị trường.		
12	Quyết định số 1677/QĐ-BXD ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	30/12/2020	30/12/2020

PHỤ LỤC II
DANH MỤC CÁC TCVN VỀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG

Stt	Nhóm thiết bị	Danh mục các sản phẩm phải dán nhãn theo Lộ trình	Số hiệu TCVN	Tên Tiêu chuẩn	Nhãn năng lượng
1.	1. Nhóm thiết bị gia dụng	1. Đèn huỳnh quang ống thẳng	TCVN 8249:2009	Bóng đèn huỳnh quang dạng ống – Hiệu suất năng lượng	Nhãn xác nhận
2.			TCVN 8249:2013	Bóng đèn huỳnh quang dạng ống – Hiệu suất năng lượng	Nhãn xác nhận
3.		2. Đèn huỳnh quang compact	TCVN 7896:2008	Bóng đèn huỳnh quang compact – Hiệu suất năng lượng	Nhãn xác nhận
4.			TCVN 7896:2015	Bóng đèn huỳnh quang compact – Hiệu suất năng lượng	Nhãn so sánh
5.		3. Chấn lưu điện tử cho đèn huỳnh quang	TCVN 8248:2009	Balats điện tử - Hiệu suất năng lượng	Nhãn xác nhận
6.			TCVN 8248:2013	Balats điện tử - Hiệu suất năng lượng	Nhãn xác nhận
7.		4.Chấn lưu điện tử cho đèn huỳnh quang	TCVN 7897:2008	Balat điện tử dùng cho bóng đèn huỳnh quang – Hiệu suất năng lượng	Nhãn xác nhận
8.			TCVN 7897:2013	Balat điện tử dùng cho bóng đèn huỳnh quang – Hiệu suất năng lượng	Nhãn xác nhận
9.		5.Máy điều hòa nhiệt độ	TCVN 7830:2007	Điều hòa không khí – Hiệu suất năng lượng	Nhãn so sánh
10.			TCVN 7831:2007	Điều hòa không khí – Phương pháp xác định hiệu suất năng lượng	

Stt	Nhóm thiết bị	Danh mục các sản phẩm phải dán nhãn theo Lộ trình	Số hiệu TCVN	Tên Tiêu chuẩn	Nhãn năng lượng
11.			TCVN 7830:2012	Điều hòa không khí không ống gió– Hiệu suất năng lượng	Nhãn so sánh
12.			TCVN 7831:2012	Điều hòa không khí không ống gió– Phương pháp xác định hiệu suất năng lượng	
13.			TCVN 7830:2015	Điều hòa không khí không ống gió– Hiệu suất năng lượng	Nhãn so sánh
14.			TCVN 7830:2021	Điều hòa không khí không ống gió– Hiệu suất năng lượng	
15.		6. Tủ lạnh	TCVN 7828:2007	Tủ lạnh, tủ kết đông lạnh – Hiệu suất năng lượng	Nhãn so sánh
16.			TCVN 7829:2007	Tủ lạnh, tủ kết đông lạnh – Phương pháp xác định hiệu suất năng lượng	
17.			TCVN 7828:2013	Tủ lạnh, tủ kết đông lạnh – Hiệu suất năng lượng	Nhãn so sánh
18.			TCVN 7829:2013	Tủ lạnh, tủ kết đông lạnh – Phương pháp xác định hiệu suất năng lượng	
19.			TCVN 7829:2016	Tủ Mát, Tủ Lạnh, Tủ Đông – Phương Pháp Xác Định Hiệu Suất Năng Lượng	
20.			TCVN 7828:2016	Tủ Mát, Tủ Lạnh, Tủ Đông – Hiệu Suất Năng Lượng	
		7. Máy giặt	TCVN 8526:2010	Máy giặt – Hiệu suất năng lượng tối thiểu và phương pháp xác định	Nhãn so sánh

Stt	Nhóm thiết bị	Danh mục các sản phẩm phải dán nhãn theo Lộ trình	Số hiệu TCVN	Tên Tiêu chuẩn	Nhãn năng lượng
			TCVN 8526:2013	Máy giặt – Hiệu suất năng lượng tối thiểu và phương pháp xác định	Nhãn so sánh
21.		8. Nồi cơm điện	TCVN 8252:2009	Nồi cơm điện – Hiệu suất năng lượng	Nhãn so sánh
22.			TCVN 8252:2015	Nồi cơm điện – Hiệu suất năng lượng	Nhãn so sánh
23.		9.Quạt điện	TCVN 7826:2007	Quạt điện – Hiệu suất năng lượng	Nhãn so sánh
24.			TCVN 7827:2007	Quạt điện – Phương pháp xác định hiệu suất năng lượng	
25.			TCVN 7826:2015	Quạt điện – Hiệu suất năng lượng	Nhãn so sánh
26.			TCVN 7827:2015	Quạt điện – Phương pháp xác định hiệu suất năng lượng	
27.		10. Máy thu hình	TCVN 9536:2012	Máy thu hình - Hiệu suất năng lượng	Nhãn so sánh
28.			TCVN 9537:2012	Máy thu hình - Phương pháp xác định Hiệu suất năng lượng	
29.			TCVN 9536:2021	Máy thu hình - Hiệu suất năng lượng	
30.		11. Đèn LED	TCVN 11844:2017	Đèn Led – Hiệu suất năng lượng	Nhãn xác nhận

Stt	Nhóm thiết bị	Danh mục các sản phẩm phải dán nhãn theo Lộ trình	Số hiệu TCVN	Tên Tiêu chuẩn	Nhãn năng lượng
31.			TCVN 11843:2017	Phương Pháp Thử Bóng Đèn Led, Đèn Điện Led Và Môđun Led	
32.			TCVN 11842:2017	Dự Đoán Độ Duy Trì Quang Thông Dài Hạn Của Nguồn Sáng Led	
33.		12. Bình đun nước nóng có dự trữ	TCVN7898:2009	Bình đun nước nóng có dự trữ - Hiệu suất năng lượng	
34.			TCVN7898:2018	Bình đun nước nóng có dự trữ - Hiệu suất năng lượng	Nhãn so sánh
35.		13. Bếp từ	TCVN 13372:2021	Bếp từ - Hiệu suất năng lượng	
36.		14. Bếp hồng ngoại –	TCVN 13373:2021	Bếp hồng ngoại – Hiệu suất năng lượng	
37.	2. Nhóm thiết bị Văn phòng và thương mại	1. Máy photocopy	TCVN 9510:2012	Máy photo copy- Hiệu suất năng lượng	Nhãn xác nhận
38.		2. Máy in	TCVN 9509:2012	Máy in - Hiệu suất năng lượng	Nhãn xác nhận
39.		3. Màn hình máy tính	TCVN 9508:2012	Màn hình máy tính - Hiệu suất năng lượng	Nhãn xác nhận
40.		4. Tủ giữ lạnh thương mại	TCVN10289:2014	Tủ giữ lạnh thương mại - Hiệu suất năng lượng	Nhãn xác nhận
41.			TCVN 10290:2014	Tủ giữ lạnh thương mại – Phương pháp xác định Hiệu suất năng lượng	Nhãn xác nhận

Stt	Nhóm thiết bị	Danh mục các sản phẩm phải dán nhãn theo Lộ trình	Số hiệu TCVN	Tên Tiêu chuẩn	Nhãn năng lượng
42.		5. Máy Tính Xách tay	TCVN 11848:2017	Máy Tính Xách Tay – Hiệu Suất Năng Lượng	Nhãn xác nhận
43.			TCVN 11848:2021	Máy tính xách tay - Hiệu suất năng lượng	
44.		Máy tính để bàn	TCVN 13371:2021	Máy tính để bàn - Hiệu suất năng lượng	
45.	3. Thiết bị công nghiệp	1. Máy biến áp phân phối ba pha	TCVN 8525:2010	Máy biến áp phân phối – Hiệu suất năng lượng tối thiểu và phương pháp xác định	Nhãn xác nhận
46.			TCVN 8525:2015	Máy biến áp phân phối – Hiệu suất năng lượng tối thiểu và phương pháp xác định	Nhãn xác nhận
47.		2. Động cơ điện	TCVN 7450-1:2005	Động cơ điện không đồng bộ ba pha roto lồng sóc hiệu suất cao – Phần 1: Mức hiệu suất năng lượng tối thiểu	Nhãn xác nhận
48.			TCVN 7450-2:2005	Động cơ điện không đồng bộ ba pha roto lồng sóc hiệu suất cao – Phần 2: Phương pháp xác định hiệu suất năng lượng	
49.			TCVN 7450-1:2013	Động cơ điện không đồng bộ ba pha roto lồng sóc hiệu suất cao – Phần 1: Mức hiệu suất năng lượng tối thiểu	Nhãn xác nhận

Stt	Nhóm thiết bị	Danh mục các sản phẩm phải dán nhãn theo Lộ trình	Số hiệu TCVN	Tên Tiêu chuẩn	Nhãn năng lượng
50.			TCVN 7450-2:2013	Động cơ điện không đồng bộ ba pha roto lồng sóc hiệu suất cao – Phần 2: Phương pháp xác định hiệu suất năng lượng	
51.		3.Nồi hơi công nghiệp	TCVN 8630:2010	Nồi Hơi – Hiệu Suất Năng Lượng Và Phương Pháp Thử	
52.			TCVN 8630:2019	Nồi Hơi – Hiệu Suất Năng Lượng Và Phương Pháp Thử	
53.	4. Phương tiện giao thông vận tải	1. Mô tô, xe máy hai bánh	TCVN 7356:2014	Phương tiện giao thông đường bộ - mô tô, xe máy hai bánh - Giới hạn tiêu thụ nhiên liệu và phương pháp xác định	
54.		2. Ô tô con	TCVN 9854:2013	Phương tiện giao thông đường bộ - ô tô con - Giới hạn tiêu thụ nhiên liệu và phương pháp xác định	

PHỤ LỤC III

BỘ TIÊU CHUẨN ISO VỀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG

- Tiêu chuẩn TCVN ISO 50001:2019 (ISO 50001:2018), Hệ thống quản lý năng lượng – Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng (Energy Management Systems – Requirements with guidance for use).

- Tiêu chuẩn ISO 50004:2014: "Hệ thống quản lý năng lượng - Hướng dẫn việc thực hiện, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý năng lượng" Energy management systems — Guidance for the implementation, maintenance and improvement of an energy management system.

- Tiêu chuẩn ISO 50006:2014: "Hệ thống quản lý năng lượng - Đo lường hiệu suất năng lượng sử dụng đường cơ sở năng lượng (EnB) và các chỉ số hiệu suất năng lượng (EnPI) - Nguyên tắc chung và hướng dẫn" (Energy management systems - Measuring energy performance using energy baselines (EnB) and energy performance indicators (EnPI) - General principles and guidance).

- Tiêu chuẩn ISO 50015:2014: "Hệ thống quản lý năng lượng – Đo lường và xác minh hiệu suất năng lượng của các tổ chức - Nguyên tắc chung và hướng dẫn" Energy management systems - Measurement and verification of energy performance of organizations - General principles and guidance.

- Tiêu chuẩn ISO 50002:2015 Kiểm toán năng lượng – Các yêu cầu (Energy audits – Requirements with guidance for use)

PHỤ LỤC IV
Các quy chuẩn kỹ thuật về hiệu suất năng lượng

STT	Tên quy chuẩn kỹ thuật	Ngày ban hành	Ghi chú
I	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia		
1	QCVN 09:2017/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả”	có hiệu lực kể từ ngày 01/6/2018	
2	QCVN 07-7: 2023/BXD – Công trình chiếu sáng ban hành theo Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.	có hiệu lực thi hành từ 01/7/2024	

Phụ lục V. Phương pháp và kết quả tính toán mục tiêu tiết kiệm năng lượng giai đoạn 2019-2025

Chương trình đã đạt được mục tiêu của chương trình là giai đoạn đến 2025 tiết kiệm 5-7% tổng mức tiêu thụ năng lượng của cả nước. Phương pháp đánh giá việc thực hiện mục tiêu được tiến hành như sau:

- Chọn năm cơ sở: Năm cơ sở được chọn là năm trước năm triển khai VNEEP 3. Như vậy chọn năm 2018 là năm cơ sở.

- Tính toán cường độ năng lượng của năm cơ sở:

Cường độ năng lượng của năm cơ sở (2018) = Tổng tiêu thụ năng lượng năm cơ sở/ GDP của năm cơ sở

Trong đó: GDP là tổng giá trị sản phẩm (đã quy đổi) do GSO công bố, đơn vị tính: triệu USD. Tổng tiêu thụ năng lượng của năm cơ sở là tổng tiêu thụ năng lượng thương mại bao gồm điện, than, dầu, khí và các dạng năng lượng khác, đơn vị tính: KTOE, số liệu có thể tính toán từ các công bố của GSO, Hải quan, EVN, PVN...

- Tính toán lượng tiêu thụ năng lượng giả thiết theo kịch bản BAU:

Năng lượng tiêu thụ tính toán theo kịch bản BAU của các năm từ 2019-2025 như sau:

Tiêu thụ năng lượng giả thiết = GDP tương ứng của năm tính toán
*Cường độ năng lượng năm cơ sở.

Lưu ý rằng tiêu thụ năng lượng theo BAU được tính dựa trên giả thiết không có tác động của các chương trình tiết kiệm năng lượng.

- Xác định lượng năng lượng tiết kiệm:

Lượng năng lượng tiết kiệm (hoặc gia tăng) = Tiêu thụ năng lượng giả thiết theo BAU – Tiêu thụ năng lượng thực tế.

Áp dụng phương pháp tính toán trên thì tỷ lệ tiết kiệm năng lượng đến 2024 khoảng 4.6% và dự báo đến hết 2025 sẽ đạt hơn 5%

Bảng Error! No text of specified style in document.-1. Tính toán tỷ lệ tiết kiệm năng lượng giai đoạn 2029-2025

Hạng mục	Đơn vị	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Cường độ năng lượng giả thiết (BAU)	kgOE/ 1000 USD	57,44	57,44	57,44	57,44	57,44	57,44	57,44	57,44
Tiêu thụ năng lượng giả thiết (BAU)	KTOE	60.456	64.905	66.764	68.469	74.315	78.079	81.689	85.467
Tiêu thụ năng lượng thực tế	KTOE	60.456	64.542	66.014	66.114	71.995	75.122	78.054	81.045*
Lượng năng lượng tiết kiệm	KTOE	-	63,12	50,92	2.355	2.320	2.957	3.635	4.421
Tỷ lệ tiết kiệm (%)		0,00	0,56	1,14	3,56	3,22	3,94	4,66	5,46*

Nguồn: Thống kê năng lượng 2018-2024

*Số liệu dự báo